ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 7068 /QĐ-UBND	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 10năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Xây dựng

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 36344/TTr-SXD-VP ngày 09 tháng 10 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này **34** thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Xây dựng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Bãi bỏ nội dung công bố thủ tục hành chính nội bộ tại Quyết định số 5921/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2024; Quyết định số 6149/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2024; Quyết định số 5920/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2024; Quyết định số 267/QĐ-UBND ngày 20 tháng 01 năm 2025; Quyết định số 1521/QĐ-UBND ngày 18 tháng 4 năm 2025; Quyết định số 2650/QĐ-UBND ngày 08 tháng 5 năm 2026; Quyết định số 3206/QĐ-UBND ngày 30 tháng 5 năm 2026; Quyết định số 4698/QĐ-UBND ngày 28 tháng 7 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Giám đốc Sở Xây dựng, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- TTUB: CT, PCT Nguyễn Mạnh Cường;
- VPUB: CVP, PCVP/VX;
- TT TTĐT TP;
- TT PV HCC TP;
- Lưu: VT, (KSTT/Tr).

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Mạnh Cường

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ
TRONG HỆ THỐNG HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ XÂY DỰNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 7068 /QĐ-UBND ngày 22 tháng 10 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ

1. Danh mục thủ tục hành chính nội bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố

STT	Tên thủ tục hành chính nội bộ
Lĩnh vực Đường thủy nội địa	
1.	Phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa Quyết định tần suất khảo sát luồng đường thủy nội địa địa phương
2.	Phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa
3.	Xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại
4.	Thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa

2. Danh mục thủ tục hành chính nội bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân Thành phố

STT	Tên thủ tục hành chính nội bộ
Lĩnh vực Đường thủy nội địa	
5.	Điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa
6.	Giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thuộc địa phương quản lý
7.	Công bố đóng luồng đường thủy nội địa quốc gia vì lý do bảo đảm quốc phòng, an ninh
Lĩnh vực Hạ tầng kỹ thuật	
8.	Thủ tục giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng công viên, cây xanh do Nhà nước đầu tư, quản lý
9.	Thủ tục xử lý tài sản kết cấu hạ tầng công viên, cây xanh do Nhà nước đầu tư, quản lý

STT	Tên thủ tục hành chính nội bộ
10.	Thủ tục phê duyệt đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng công viên do Nhà nước đầu tư, quản lý
11.	Thủ tục phê duyệt đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng công viên do Nhà nước đầu tư, quản lý
Lĩnh vực Đường bộ	
12.	Điều chỉnh công bố tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ và trạng thái kỹ thuật đường ngang
13.	Công bố quyết định tình huống khẩn cấp về thiên tai đối với hệ thống quốc lộ và đường bộ cao tốc
14.	Công bố quyết định kết thúc tình huống khẩn cấp về thiên tai đối với đường thống quốc lộ và đường bộ cao tốc
15.	Công bố quyết định Lệnh xây dựng công trình khẩn cấp đối với đường quốc lộ và đường bộ cao tốc
16.	Thẩm định, phê duyệt Hồ sơ hoàn thành khắc phục hậu quả thiên tai, xử lý ùn tắc, bảo đảm giao thông; hồ sơ hoàn thành dự án khẩn cấp phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai đối với quốc lộ, đường cao tốc
Lĩnh vực Nhà ở	
17.	Thủ tục chuyển đổi công năng nhà ở đối với nhà ở xây dựng trong dự án được đầu tư bằng nguồn vốn đầu tư công thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh
Lĩnh vực Xây dựng	
18.	Thủ tục xây dựng, phê duyệt chương trình phát triển nhà ở Thành phố
19.	Thủ tục điều chỉnh chương trình phát triển nhà ở Thành phố
20.	Thủ tục xây dựng, phê duyệt kế hoạch phát triển nhà ở Thành phố
21.	Thủ tục điều chỉnh kế hoạch phát triển nhà ở Thành phố

3. Danh mục thủ tục hành chính nội bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Xây dựng

STT	Tên thủ tục hành chính nội bộ
Lĩnh vực Giao thông vận tải	
22.	Quyết định tần suất khảo sát luồng đường thủy nội địa địa phương
Lĩnh vực Đường thủy nội địa	

STT	Tên thủ tục hành chính nội bộ
23.	Công bố đóng khu neo đậu vì lý do bảo đảm quốc phòng, an ninh
Lĩnh vực Đường bộ	
24.	Giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ
25.	Phê duyệt Đề án chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ
26.	Phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ
27.	Phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ
28.	Thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ
29.	Điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ
30.	Chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ về địa phương quản lý, xử lý
31.	Thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ
32.	Xử lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại
33.	Xử lý tài sản trong trường hợp cơ quan, người có thẩm quyền quyết định giao tài sản cho doanh nghiệp quản lý theo hình thức đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp

4. Danh mục thủ tục hành chính nội bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài chính

STT	Tên thủ tục hành chính nội bộ
Lĩnh vực Đường bộ	
34.	Thanh toán chi phí liên quan đến việc khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ

PHẦN II. NỘI DUNG CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ

A. Thủ tục hành chính nội bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố

I. Lĩnh vực Đường thủy nội địa

1. Thủ tục Phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa

a) Trình tự thực hiện:

Căn cứ khoản 7 Điều 14, Nghị định số 12/2025/NĐ-CP ngày 20 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa (Nghị định số 12/2025/NĐ-CP).

- Bước 1: Cơ quan quản lý tài sản (cấp tỉnh/cấp xã) lập hồ sơ đề nghị phê duyệt Đề án Cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa gửi Hội đồng nhân dân Thành phố.

- Bước 2: Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét, phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp Đề án chưa phù hợp.

b) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp hoặc gián tiếp qua đường văn thư, hệ thống quản lý văn bản liên thông của Thành phố.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: Căn cứ khoản 7 Điều 14, Nghị định số 12/2025/NĐ-CP. Hồ sơ trình gồm:

- Tờ trình của cơ quan quản lý tài sản cấp tỉnh/cấp xã về việc đề nghị phê duyệt Đề án: bản chính;

- Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa do cơ quan quản lý tài sản lập theo Mẫu số 02B tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này: bản chính;

- Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): bản chính;

- Ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): bản sao;

- Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): bản sao.

d) Thời hạn giải quyết: 30 ngày làm việc. Căn cứ điểm c Khoản 7 Điều 14 Nghị định số 12/2025/NĐ-CP.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan quản lý tài sản cấp tỉnh/cấp xã.

f) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Hội đồng nhân dân Thành phố Căn cứ điểm b, Khoản 5 Điều 14 Nghị định số 12/2025/NĐ-CP.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản hoặc văn bản hồi đáp trong trường hợp Đề án chưa phù hợp.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017.

- Điều 14 Nghị định số 12/2025/NĐ-CP.

2. Thủ tục Phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa

a) Trình tự thực hiện: Căn cứ khoản 5 Điều 15, Nghị định số 12/2025/NĐ-CP.

- Bước 1: Cơ quan quản lý tài sản (cấp tỉnh/cấp xã) lập hồ sơ đề nghị phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa gửi Hội đồng nhân dân Thành phố.

- Bước 2: Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét, phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp Đề án chưa phù hợp.

b) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp hoặc gián tiếp qua đường văn thư, hệ thống quản lý văn bản liên thông của Thành phố.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: Căn cứ Khoản 6 Điều 15, Nghị định số 12/2025/NĐ-CP. Hồ sơ trình gồm:

- Tờ trình của cơ quan quản lý tài sản cấp tỉnh/cấp xã về việc đề nghị phê duyệt Đề án: bản chính;

- Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản do cơ quan quản lý tài sản lập theo Mẫu số 02C tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này: bản chính;

- Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): bản chính;

- Ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): bản sao;

- Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): bản sao.

d) Thời hạn giải quyết: 30 ngày làm việc. Căn cứ Khoản 6 Điều 15, Nghị định số 12/2025/NĐ-CP.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan quản lý tài sản cấp tỉnh/cấp xã.

f) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Hội đồng nhân dân Thành phố. Căn cứ điểm b, khoản 5 Điều 15, Nghị định số 12/2025/NĐ-CP.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản hoặc văn bản hồi đáp trong trường hợp Đề án chưa phù hợp.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017.

- Điều 15, Nghị định số 12/2025/NĐ-CP.

3. Thủ tục Xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại

a) Trình tự thực hiện: Căn cứ khoản 2 Điều 23, Nghị định số 12/2025/NĐ-CP. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày phát hiện tài sản bị mất, bị hủy hoại, Cơ quan quản lý tài sản (cấp tỉnh/cấp xã) có trách nhiệm xác định nguyên nhân (lý do) tài sản bị mất, bị hủy hoại và trách nhiệm của các tập thể, cá nhân có liên quan, lập 01 bộ hồ sơ đề nghị xử lý tài sản bị mất, bị hủy hoại, báo cáo cơ quan quản lý cấp trên (nếu có), trình cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định.

- Bước 1: Cơ quan quản lý tài sản (cấp tỉnh/cấp huyện) lập hồ sơ đề nghị xử lý tài sản bị mất, bị hủy hoại; báo cáo Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét, quyết định.

- Bước 2: Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại.

b) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp hoặc gián tiếp qua đường văn thư, hệ thống quản lý văn bản liên thông của Thành phố.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: Căn cứ điểm a Khoản 3 Điều 23, Nghị định số 12/2025/NĐ-CP. Hồ sơ đề nghị gồm:

- Văn bản của cơ quan quản lý tài sản về việc đề nghị xử lý tài sản (trong đó nêu rõ lý do (nguyên nhân) tài sản bị mất, bị hủy hoại): bản chính;

- Văn bản của cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan quản lý tài sản về việc đề nghị xử lý tài sản: bản chính;

- Văn bản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã về việc đề nghị xử lý tài sản trong trường hợp việc xử lý tài sản do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định: bản chính;

- Biên bản xác định tài sản bị mất, bị hủy hoại: bản chính;

- Danh mục tài sản bị mất, bị hủy hoại theo Mẫu số 01B tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này: bản chính;

- Hồ sơ chứng minh việc tài sản bị mất, bị hủy hoại: bản sao.

d) Thời hạn giải quyết: 30 ngày làm việc. Căn cứ điểm b Khoản 3 Điều 23, Nghị định số 12/2025/NĐ-CP.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan quản lý tài sản cấp tỉnh.

f) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Hội đồng nhân dân Thành phố. Căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 23, Nghị định số 12/2025/NĐ-CP.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định xử lý tài sản.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017.

- Điều 23, Nghị định số 12/2025/NĐ-CP.

4. Thủ tục Thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa

a) Trình tự thực hiện: Căn cứ khoản 4 Điều 22, Nghị định số 12/2025/NĐ-CP.

- Bước 1: Cơ quan quản lý tài sản lập hồ sơ đề nghị thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa gửi Hội đồng nhân dân Thành phố.

- Bước 2: Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét, quyết định thanh lý tài sản hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị thanh lý tài sản chưa phù hợp.

b) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp hoặc gián tiếp qua đường văn thư, hệ thống quản lý văn bản liên thông của Thành phố.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: Căn cứ điểm a Khoản 4 Điều 22, Nghị định số 12/2025/NĐ-CP.

- Văn bản của cơ quan quản lý tài sản về việc đề nghị thanh lý tài sản: bản chính;

- Văn bản của cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan quản lý tài sản về việc đề nghị thanh lý tài sản: bản chính;

- Văn bản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã về việc đề nghị thanh lý tài sản trong trường hợp việc thanh lý tài sản do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Hội đồng nhân dân cấp huyện quyết định: bản chính;

- Danh mục tài sản đề nghị thanh lý theo Mẫu số 01B tại Phụ lục ban hành 1 kèm theo Nghị định này: bản chính;

- Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): bản sao.

d) Thời hạn giải quyết: 30 ngày làm việc. Căn cứ điểm b Khoản 4 Điều 22, Nghị định số 12/2025/NĐ-CP.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan quản lý tài sản cấp tỉnh.

f) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Hội đồng nhân dân Thành phố. Căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 22, Nghị định số 12/2025/NĐ-CP.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định thanh lý tài sản hoặc văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị thanh lý tài sản chưa phù hợp.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017.

- Điều 22, Nghị định số 12/2025/NĐ-CP.

B. Thủ tục hành chính nội bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân Thành phố

I. Lĩnh vực Đường thủy nội địa

5. Thủ tục Điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa

a) Trình tự thực hiện: Căn cứ khoản 1, 2, 3 Điều 20, Nghị định số 12/2025/NĐ-CP.

- Bước 1: Cơ quan quản lý tài sản lập hồ sơ đề nghị đề nghị điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa báo cáo cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) để trình Ủy ban nhân dân Thành phố.

- Bước 2: Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định điều chuyển tài sản đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị điều chuyển tài sản chưa phù hợp.

b) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp hoặc gián tiếp qua đường văn thư, hệ thống quản lý văn bản liên thông của Thành phố.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 20, Nghị định số 12/2025/NĐ-CP. Hồ sơ đề nghị gồm:

- Văn bản của cơ quan quản lý tài sản về việc đề nghị điều chuyển tài sản: bản chính;

- Văn bản của cơ quan quản lý cấp trên của cơ quan quản lý tài sản (nếu có) về việc đề nghị điều chuyển tài sản: bản chính;

- Văn bản của cơ quan quản lý đường thủy nội địa cấp tỉnh (trong trường hợp tài sản do cơ quan quản lý tài sản cấp huyện quản lý) về việc đề nghị điều chuyển tài sản: bản chính;

- Văn bản đề nghị được tiếp nhận tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị và cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, tổ chức, đơn vị đó: bản chính. Trường hợp việc điều chuyển tài sản do thay đổi về cơ quan quản lý, phân cấp quản lý, phân loại tài sản thì không bắt buộc phải có văn bản đề nghị được tiếp nhận tài sản của cơ quan tiếp nhận tài sản;

- Danh mục tài sản đề nghị điều chuyển theo Mẫu số 01B tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này do cơ quan quản lý tài sản lập: bản chính;

- Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): bản sao.

d) Thời hạn giải quyết: 30 ngày làm việc. Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 20, Nghị định số 12/2025/NĐ-CP.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan quản lý tài sản cấp tỉnh.

f) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân Thành phố. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 20, Nghị định số 12/2025/NĐ-CP.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định điều chuyển tài sản hoặc văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị điều chuyển tài sản chưa phù hợp.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017.

- Điều 20, Nghị định số 12/2025/NĐ-CP.

6. Thủ tục Giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thuộc địa phương quản lý

a) Trình tự thực hiện: Căn cứ khoản 2 Điều 6, khoản 2 Điều 7, Nghị định số 12/2025/NĐ-CP.

- Bước 1: Căn cứ kết quả rà soát, thống kê, phân loại tài sản, các cơ quan, tổ chức có tải sản (đang quản lý hoặc tạm quản lý), lập 01 bộ hồ sơ đề nghị giao tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa theo quy định tại khoản 2 Điều 7, Nghị định số 12/2025/NĐCP (đối với tài sản thuộc phạm vi quản lý) gửi Sở Xây dựng.

- Bước 2: Sở Xây dựng tổng hợp hồ sơ, báo cáo, trình Ủy ban nhân dân Thành phố giao quản lý tài sản.

- Bước 3: Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa đối với trường hợp thuộc thẩm quyền hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị giao tài sản chưa phù hợp.

b) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp hoặc gián tiếp qua đường văn thư, hệ thống quản lý văn bản liên thông của Thành phố.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: Căn cứ khoản 2 Điều 7, Nghị định số 12/2025/NĐ-CP. Hồ sơ đề nghị gồm:

- Văn bản của cơ quan quản lý đường thủy nội địa ở trung ương, cơ quan quản lý đường thủy nội địa cấp tỉnh về việc đề nghị giao tài sản: bản chính.

- Biên bản họp liên ngành hoặc ý kiến bằng văn bản của: Cơ quan, tổ chức, đơn vị đang quản lý hoặc tạm quản lý tài sản và cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, tổ chức, đơn vị đó; cơ quan, đơn vị có liên quan của Bộ Xây dựng (đối với tài sản thuộc trung ương quản lý), cơ quan, đơn vị có liên quan của địa phương (đối với tài sản thuộc địa phương quản lý); cơ quan dự kiến được giao quản lý tài sản về việc giao tài sản: bản chính.

- Danh mục tài sản đề nghị giao (tên tài sản; địa chỉ; năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (khối lượng, chiều dài,...); diện tích; nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có); tình trạng sử dụng của tài sản) do cơ quan quản lý đường thủy nội địa ở trung ương, cơ quan quản lý đường thủy nội địa cấp tỉnh lập: bản chính. Hồ sơ pháp lý về tài sản (Quyết định giao, điều chuyển tài sản, Biên bản bàn giao, tiếp nhận tài sản hoặc các giấy tờ, tài liệu khác chứng minh quyền quản lý, sử dụng, tạm quản lý tài sản - nếu có): bản sao.

- Giấy tờ khác có liên quan (nếu có): bản sao.

d) Thời hạn giải quyết: 30 ngày làm việc. Căn cứ khoản 3 Điều 7, Nghị định số 12/2025/NĐ-CP.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan quản lý tài sản cấp tỉnh.

f) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân Thành phố. Căn cứ khoản 2 Điều 6, Nghị định số 12/2025/NĐ-CP.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định giao quản lý tài sản hoặc văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị giao quản lý tài sản chưa phù hợp.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017.

- Điều 6, Điều 7 Nghị định số 12/2025/NĐ-CP.

7. Thủ tục Công bố đóng luồng đường thủy nội địa quốc gia vì lý do bảo đảm quốc phòng, an ninh

a) Trình tự thực hiện:

+ Trên cơ sở văn bản đề nghị của Bộ Quốc phòng hoặc Bộ Công an, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định công bố đóng luồng đường thủy nội địa trong trường hợp vì lý do bảo đảm quốc phòng, an ninh.

+ Chậm nhất trong 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định công bố đóng luồng đường thủy nội địa trong địa giới hành chính địa phương.

b) Cách thức thực hiện: Không quy định.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Văn bản đề nghị của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an yêu cầu đóng luồng.

+ Số lượng hồ sơ: không quy định.

d) Thời hạn giải quyết: Không quy định

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Bộ Quốc phòng, Bộ Công an.

f) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định công bố đóng luồng.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không có.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không có.

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không có.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Giao thông đường thủy nội địa số 23/2004/QH11 ngày 15/6/2004 đã được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 48/2014/QH13 ngày 17/06/2014;

+ Thông tư số 21/2026/TT-BXD ngày 15/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về quản lý kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa;

+ Thông tư số 54/2026/TT-BXD ngày 01/7/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 20/2026/TT-BXD ngày 15/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về quản lý nhà nước chuyên ngành tại cảng thủy nội địa, bến thủy nội địa, khu neo đậu và quản lý hoạt động hoa tiêu đường thủy nội địa và Thông tư số 21/2026/TT-BXD ngày 15/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về quản lý kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa.

II. Lĩnh vực Hạ tầng kỹ thuật

8. Thủ tục Thủ tục giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng công viên, cây xanh do Nhà nước đầu tư, quản lý

a) Trình tự thực hiện:

- Chủ đầu tư dự án phát triển công viên, cây xanh (đối với tài sản kết cấu hạ tầng công viên, cây xanh do Nhà nước đầu tư phát triển mới) hoặc đơn vị đang quản lý tài sản (đối với tài sản kết cấu hạ tầng công viên, cây xanh hiện có hoặc tài sản kết cấu hạ tầng công viên, cây xanh được bàn giao cho Nhà nước quản lý) chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan lập hồ sơ đề nghị giao quản lý tài sản theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư số 67/2025/TT-BXD và trình Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định;

- Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền ban hành quyết định giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng công viên, cây xanh theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Thông tư số 67/2025/TT-BXD hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị giao tài sản không phù hợp;

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc trực tuyến trên môi trường điện tử.c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

c) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng công viên, cây xanh (trong đó xác định rõ đối tượng được giao quản lý tài sản): 01 bản chính;

- Danh mục tài sản đề nghị giao quản lý theo Phụ lục tại Mẫu số 01 Phụ lục kèm theo Thông tư số 67/2025/TT-BXD: 01 bản chính;

- Hồ sơ pháp lý của tài sản đề nghị giao quản lý (Quyết định giao, điều chuyển tài sản; Quyết định xác lập sở hữu toàn dân; Biên bản bàn giao, tiếp nhận tài sản hoặc các giấy tờ, tài liệu khác chứng minh quyền quản lý, sử dụng, tạm quản lý tài sản - nếu có): 01 bản sao;

- Các hồ sơ khác có liên quan đến tài sản đề nghị giao quản lý (nếu có): 01 bản sao.

- Dự thảo Quyết định giao quản lý tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Thông tư số 67/2025/TT-BXD: 01 bản sao. b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết: 30 ngày.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Chủ đầu tư dự án phát triển công viên, cây xanh (đối với tài sản kết cấu hạ tầng công viên, cây xanh do Nhà nước đầu tư phát triển mới) hoặc đơn vị đang quản lý tài sản (đối với tài sản kết cấu hạ tầng công viên, cây xanh hiện có hoặc tài sản kết cấu hạ tầng công viên, cây xanh được bàn giao cho Nhà nước quản lý).

f) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã theo thẩm quyền được quy định tại Điều 35 Nghị định số 258/2025/NĐ-CP.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng công viên, cây xanh do Nhà nước đầu tư, quản lý.

h) Phí, lệ phí: Không có.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Danh mục tài sản đề nghị giao quản lý (theo Phụ lục tại Mẫu số 01 Phụ lục kèm theo Thông tư số 67/2025/TT-BXD).

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 258/2025/NĐ-CP ngày 09/10/2025 của Chính phủ về quản lý công viên, cây xanh, mặt nước;

- Thông tư số 67/2025/TT-BXD ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về trình tự, thủ tục trong quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng công viên, cây xanh do Nhà nước đầu tư, quản lý.

9. Thủ tục xử lý tài sản kết cấu hạ tầng công viên, cây xanh do Nhà nước đầu tư, quản lý

a) Trình tự thực hiện:

- Đơn vị được giao quản lý tài sản lập hồ sơ đề nghị xử lý tài sản theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Thông tư số 67/2025/TT-BXD và trình Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định;

- Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định xử lý tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Thông tư số 67/2025/TT-BXD hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị xử lý tài sản không phù hợp;

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc trực tuyến trên môi trường điện tử.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Văn bản đề nghị xử lý tài sản của đơn vị được giao quản lý tài sản: 01 bản chính;

- Danh mục tài sản đề nghị xử lý theo Mẫu số 02 Phụ lục kèm theo Thông tư số 67/2025/TT-BXD: 01 bản chính;

- Đề xuất hình thức xử lý tài sản; giá khởi điểm để đấu giá bán tài sản (nếu có); phương án quản lý, sử dụng số tiền thu được từ xử lý tài sản (nếu có) và dự kiến kinh phí thực hiện xử lý tài sản: 01 bản chính;

- Văn bản pháp lý liên quan:

+ Văn bản đề nghị xử lý tài sản của đơn vị khai thác tài sản trong trường hợp tự nguyện trả lại tài sản: 01 bản chính;

+ Văn bản đề nghị được tiếp nhận tài sản của đơn vị nhận tài sản trong trường hợp điều chuyển tài sản: 01 bản chính;

+ Biên bản xác định tài sản bị mất, hủy hoại và các hồ sơ chứng minh tài sản bị mất, hủy hoại trong trường hợp tài sản bị mất, hủy hoại: 01 bản sao;

- Ý kiến của các cơ quan có liên quan và hồ sơ khác có liên quan (nếu có): 01 bản sao;

- Dự thảo Quyết định xử lý tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Thông tư số 67/2025/TT-BXD: 01 bản sao.

Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)

d) Thời hạn giải quyết: 45 ngày.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Đơn vị được giao quản lý tài sản.

f) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã theo thẩm quyền được quy định tại Điều 35 Nghị định số 258/2025/NĐ-CP.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định xử lý tài sản kết cấu hạ tầng công viên, cây xanh do Nhà nước đầu tư, quản lý.

h) Phí, lệ phí: Không có.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Danh mục tài sản đề nghị xử lý (theo Mẫu số 02 Phụ lục kèm theo Thông tư số 67/2025/TT-BXD).

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 258/2025/NĐ-CP ngày 09/10/2025 của Chính phủ về quản lý công viên, cây xanh, mặt nước;

- Thông tư số 67/2025/TT-BXD ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về trình tự, thủ tục trong quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng công viên, cây xanh do Nhà nước đầu tư, quản lý.

10. Thủ tục phê duyệt đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng công viên do Nhà nước đầu tư, quản lý

a) Trình tự thực hiện:

- Đơn vị được giao quản lý tài sản có trách nhiệm lập hồ sơ đề nghị phê duyệt phương án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng công viên theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Thông tư số 67/2025/TT-BXD và trình Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt;

- Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định phê duyệt đề án cho thuê quyền khai thác tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Thông tư số 67/2025/TT-BXD hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề án cho thuê quyền khai thác tài sản không phù hợp.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc trực tuyến trên môi trường điện tử.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị của đơn vị được giao quản lý tài sản: 01 bản chính;

- Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản theo Mẫu số 03 Phụ lục kèm theo Thông tư số 67/2025/TT-BXD: 01 bản chính;

- Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao;

- Dự thảo Quyết định phê duyệt đề án cho thuê quyền khai thác tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Thông tư số 67/2025/TT-BXD: 01 bản sao.

Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết: 45 ngày.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Đơn vị được giao quản lý tài sản.

f) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã theo thẩm quyền được quy định tại Điều 35 Nghị định số 258/2025/NĐ-CP.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng công viên do Nhà nước đầu tư, quản lý.

h) Phí, lệ phí: Không có.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản (theo Mẫu số 03 Phụ lục kèm theo Thông tư số 67/2025/TT-BXD).

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 258/2025/NĐ-CP ngày 09/10/2025 của Chính phủ về quản lý công viên, cây xanh, mặt nước;

- Thông tư số 67/2025/TT-BXD ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về trình tự, thủ tục trong quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng công viên, cây xanh do Nhà nước đầu tư, quản lý.

11. Thủ tục phê duyệt đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng công viên do Nhà nước đầu tư, quản lý

a) Trình tự thực hiện:

- Đơn vị được giao quản lý tài sản có trách nhiệm lập hồ sơ đề nghị phê duyệt đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng công viên theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Thông tư số 67/2025/TT-BXD và trình Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt;

- Trong thời hạn 60 ngày kể từ nhận đủ hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định phê duyệt đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Thông tư số 67/2025/TT-BXD hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản không phù hợp.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc trực tuyến trên môi trường điện tử.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị của đơn vị được giao quản lý tài sản: 01 bản chính;

- Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản theo Mẫu số 03 Phụ lục kèm theo Thông tư số 67/2025/TT-BXD: 01 bản chính;

- Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao;

- Dự thảo Quyết định phê duyệt đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Thông tư số 67/2025/TT-BXD: 01 bản sao.

Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết: 60 ngày.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Đơn vị được giao quản lý tài sản.

f) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã theo thẩm quyền được quy định tại Điều 35 Nghị định số 258/2025/NĐ-CP.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng công viên do Nhà nước đầu tư, quản lý.

h) Phí, lệ phí: Không có.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản (theo Mẫu số 03 Phụ lục kèm theo Thông tư số 67/2025/TT-BXD).

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 258/2025/NĐ-CP ngày 09/10/2025 của Chính phủ về quản lý công viên, cây xanh, mặt nước;

- Thông tư số 67/2025/TT-BXD ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về trình tự, thủ tục trong quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng công viên, cây xanh do Nhà nước đầu tư, quản lý.

III. Lĩnh vực Đường bộ

12. Điều chỉnh công bố tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ và trạng thái kỹ thuật đường ngang

a) Trình tự thực hiện:

- Chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng công trình đường bộ; doanh nghiệp đầu tư xây dựng và quản lý khai thác công trình đường bộ gửi số liệu về UBND cấp tỉnh.

- Khu Quản lý đường bộ; UBND cấp tỉnh; Chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng công trình đường bộ, doanh nghiệp đầu tư xây dựng và quản lý khai thác công trình đường bộ gửi số liệu về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ về Cục Đường bộ Việt Nam.

- Cục Đường sắt Việt Nam gửi số liệu về trạng thái kỹ thuật đường ngang của mạng lưới đường sắt về Cục Đường bộ Việt Nam.

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với đường bộ do địa phương quản lý) công bố, cập nhật trên Trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Cục Đường bộ Việt Nam cập nhật tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ và trạng thái kỹ thuật của đường ngang trong phạm vi cả nước trên Trang thông tin điện tử của Cục Đường bộ Việt Nam.

b) Cách thức thực hiện: Trực tuyến (hệ thống liên thông quản lý văn bản).

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Văn bản cung cấp số liệu của các Khu Quản lý đường bộ; Cục Đường sắt Việt Nam; UBND cấp tỉnh; Chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng công trình đường bộ, doanh nghiệp đầu tư xây dựng và quản lý khai thác công trình đường bộ.

- Số lượng hồ sơ: Không quy định

d) Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được số liệu.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Khu Quản lý đường bộ.

- Cục Đường sắt Việt Nam.

- Chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng công trình đường bộ, doanh nghiệp đầu tư xây dựng và quản lý khai thác công trình đường bộ.

- UBND cấp tỉnh.

f) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Cục Đường bộ Việt Nam, UBND cấp tỉnh (đối với đường bộ do địa phương quản lý).

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Công bố tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ và tình trạng kỹ thuật đường ngang trên Trang thông tin điện tử của Cục Đường bộ Việt Nam, Trang thông tin điện tử của tỉnh.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không có.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai; mẫu kết quả giải quyết TTHC: Không có

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Thông tư 12/2025/TT-BXD ngày 20/6/2025 của Bộ Xây dựng quy định về quy định về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ; lưu hành xe quá khổ giới hạn, xe quá tải trọng, xe bánh xích trên đường bộ; hàng siêu trường, siêu trọng, vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng; xếp hàng hóa trên phương tiện giao thông đường bộ; cấp giấy phép lưu hành cho xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ.

13. Công bố quyết định tình huống khẩn cấp về thiên tai đối với hệ thống quốc lộ, đường bộ cao tốc

a) Trình tự thực hiện:

+ Đối với tuyến đường bộ thuộc thẩm quyền của Bộ Xây dựng

• Cục Đường bộ Việt Nam, Ban chỉ huy phòng thủ dân sự hoặc cơ quan chuyên môn khác thuộc Bộ Xây dựng tham mưu Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

• Cục Đường bộ Việt Nam tổng hợp Báo cáo Bộ Xây dựng (Khu Quản lý đường bộ/Sở Xây dựng báo cáo: nêu phạm vi ảnh hưởng của thiên tai hoặc sự cố; hư hỏng kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ do ảnh hưởng của thiên tai; mức độ hư hỏng đối với công trình; thiệt hại hoặc nguy cơ gây thiệt hại có thể xảy về Bộ Xây dựng và Cục Đường bộ Việt Nam sau khi có thiên tai xảy ra).

+ Đối với tuyến đường bộ thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh

• Ban chỉ huy phòng thủ dân sự cấp tỉnh hoặc cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định công bố tình huống khẩn cấp về thiên tai.

b) Cách thức thực hiện: Trực tuyến (hệ thống liên thông quản lý văn bản)

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Đối với tuyến đường bộ thuộc thẩm quyền của Bộ Xây dựng

• Dự báo của Trung tâm Dự báo khí tượng thủy văn quốc gia.

• Hoặc Văn bản của Khu Quản lý đường bộ/Sở Xây dựng gửi Cục Đường bộ Việt Nam. Nội dung bao gồm thông tin: Thời điểm bắt đầu, diễn biến, phạm vi ảnh hưởng

của thiên tai hoặc sự cố; hư hỏng kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ do ảnh hưởng của thiên tai; mức độ hư hỏng đối với công trình; thiệt hại hoặc nguy cơ gây thiệt hại có thể xảy ra.

• Văn bản của Cục Đường bộ Việt Nam báo cáo Bộ Xây dựng.

• Số lượng hồ sơ: Không quy định

+ Đối với tuyến đường bộ thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh

• Dự báo của Trung tâm Dự báo khí tượng thủy văn quốc gia.

• Văn bản của cơ quan chuyên môn cấp tỉnh báo cáo UBND cấp tỉnh.

• Số lượng hồ sơ: Không quy định

d) Thời hạn giải quyết: căn cứ quy chế về công tác văn thư tại cơ quan, đơn vị có thẩm quyền giải quyết

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

+ Cục Đường bộ Việt Nam - Bộ Xây dựng.

+ Khu Quản lý đường bộ - Cục Đường bộ Việt Nam.

+ Sở Xây dựng.

+ Ban chỉ huy phòng thủ dân sự.

+ Cơ quan chuyên môn của UBND cấp tỉnh.

f) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Bộ Xây dựng, UBND cấp tỉnh (đối với tuyến đường bộ thuộc do địa phương quản lý.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định công bố tình huống khẩn cấp về thiên tai đối với hệ thống quốc lộ và đường bộ cao tốc.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không có.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai; mẫu kết quả giải quyết TTHC: Không có

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không có

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Căn cứ Thông tư số 40/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ GTVT (nay Bộ Xây dựng) quy định về phòng, chống, khắc phục hậu quả lụt thiên tai trong lĩnh vực đường bộ;

- Thông tư 72/2025/TT-BXD ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 36/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và hoạt động của bến xe, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ, điểm dừng xe trên đường bộ; quy định trình tự, thủ tục đưa bến xe, trạm dừng nghỉ vào khai thác, Thông tư số 40/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về công tác phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai trong lĩnh vực đường bộ; Thông tư số 41/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ, Thông tư số 22/2014/TT-BGTVT ngày 06 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn xây dựng quy trình vận hành, khai thác bến phà, bến khách ngang sông sử dụng phà một lưỡi chở hành khách và xe ô tô.

14. Công bố quyết định kết thúc tình huống khẩn cấp về thiên tai đối với hệ thống quốc lộ, cao tốc

a) Trình tự thực hiện:

+ Đối với tuyến đường bộ thuộc thẩm quyền của Bộ Xây dựng

• Cục Đường bộ Việt Nam, Ban chỉ huy phòng thủ dân sự hoặc cơ quan chuyên môn khác thuộc Bộ Xây dựng tham mưu Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

• Cục Đường bộ Việt Nam tổng hợp Báo cáo Bộ Xây dựng (Khu Quản lý đường bộ báo cáo về Cục Đường bộ Việt Nam về các đơn vị thực hiện thi công xây dựng công trình khẩn cấp, khắc phục hậu quả thiên tai, bảo đảm giao thông theo tình huống khẩn cấp về thiên tai trên hệ thống quốc lộ của các đợt mưa theo Quyết định Công bố tình huống khẩn cấp về thiên tai đã thi công xong tại hiện trường).

+ Đối với tuyên đường bộ thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh

• Ban chỉ huy phòng thủ dân sự cấp tỉnh hoặc cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định công bố kết thúc tình huống khẩn cấp về thiên tai.

b) Cách thức thực hiện: Trực tuyến (hệ thống liên thông quản lý văn bản).

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Đối với tuyến đường bộ thuộc thẩm quyền của Bộ Xây dựng

• Văn bản của Khu QLĐB gửi Cục ĐBVN.

• Văn bản của Cục ĐBVN gửi Bộ Xây dựng: Nội dung bao gồm Chủ đầu tư đã kết thúc thi công xây dựng công trình khẩn cấp, khắc phục hậu quả thiên tai, bảo đảm giao thông theo tình huống khẩn cấp về thiên tai trên hệ thống quốc lộ của các đợt mưa theo Quyết định Công bố tình huống khẩn cấp về thiên tai.

+ Đối với tuyến đường bộ thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh: Văn bản Ban chỉ huy phòng thủ dân sự hoặc cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh

+ Số lượng hồ sơ: Không quy định

d) Thời hạn giải quyết: Căn cứ quy chế về công tác văn thư của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền giải quyết

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

+ Cục Đường bộ Việt Nam - Bộ Xây dựng.

+ Khu Quản lý đường bộ - Cục Đường bộ Việt Nam.

+ Sở Xây dựng.

+ Ban chủ huy phòng thủ dân sự.

+ Cơ quan chuyên môn khác thuộc UBND cấp tỉnh.

f) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Bộ Xây dựng, UBND cấp tỉnh.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định công bố kết thúc tình huống khẩn cấp về thiên tai đối với hệ thống quốc lộ và đường bộ cao tốc.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai; mẫu kết quả giải quyết TTHC: Không quy định.

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Căn cứ Thông tư số 40/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ GTVT (nay Bộ Xây dựng) quy định về phòng, chống, khắc phục hậu quả lụt thiên tai trong lĩnh vực đường bộ;

- Thông tư 72/2025/TT-BXD ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 36/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và hoạt động của bến xe, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ, điểm dừng xe trên đường bộ; quy định trình tự, thủ tục đưa bến xe, trạm dừng nghỉ vào khai thác, Thông tư số 40/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về công tác phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai trong lĩnh vực đường bộ; Thông tư số 41/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ, Thông tư số 22/2014/TT-BGTVT ngày 06 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn xây dựng quy trình vận hành, khai thác bến phà, bến khách ngang sông sử dụng phà một lưỡi chở hành khách và xe ô tô.

15. Công bố quyết định Lệnh xây dựng công trình khẩn cấp đối với đường quốc lộ, đường bộ cao tốc

a) Trình tự thực hiện:

- Cơ quan chuyên môn trực thuộc Cục Đường bộ Việt Nam tham mưu Cục trưởng Cục Đường bộ Việt Nam quyết định Lệnh xây dựng công trình khẩn cấp (Khu Quản lý đường bộ báo cáo về Cục Đường bộ Việt Nam về các đơn vị thực hiện thi công xây dựng công trình khẩn cấp, khắc phục hậu quả thiên tai, bảo đảm giao thông theo tình huống khẩn cấp về thiên tai trên hệ thống quốc lộ của các đợt mưa theo Quyết định Công bố tình huống khẩn cấp về thiên tai đã thi công xong tại hiện trường).

- Cơ quan, đơn vị chuyên môn trực thuộc UBND các cấp tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quyết định Lệnh xây dựng công trình khẩn cấp (đối với tuyến đường bộ do địa phương quản lý)

- Cơ quan, đơn vị chuyên môn thuộc cơ quan chuyên môn về xây dựng của Bộ Xây dựng tham mưu người đứng đầu cơ quan các quyết định Lệnh xây dựng công trình khẩn cấp (đối với công trình đường bộ xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp do Bộ Xây dựng là người quyết định, là chủ đầu tư)

- Cơ quan, đơn vị chuyên môn thuộc cơ quan đại diện chủ sở hữu công trình đường bộ tham mưu người đứng đầu cơ quan các quyết định Lệnh xây dựng công trình khẩn cấp (đối với công trình đường bộ do doanh nghiệp được nhà nước giao theo quy định pháp luật về đầu tư, đường bộ)

b) Cách thức thực hiện: Trực tuyến (hệ thống liên thông quản lý văn bản).

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

Tờ trình Văn bản của cơ quan tham mưu thuộc Cục Đường bộ Việt Nam, UBND các cấp. Nội dung gồm các nội dung:

- Mục đích xây dựng, địa điểm xây dựng;

- Người được giao quản lý thực hiện xây dựng công trình;

- Thực hiện xây dựng công trình khắc phục hậu quả thiên tai, bảo đảm giao thông theo quy định tại Điều 13 và Điều 15 Thông tư số 40/2024/TT-BGTVT (đối với công trình đường bộ đang khai thác). Các giải pháp khắc phục hậu quả thiên tai theo quy định của pháp luật về xây dựng, về phòng, chống thiên tai (đối với dự án đầu tư, xây dựng đường bộ mới hoặc nâng cấp, mở rộng, cải tạo);

- Thời gian xây dựng công trình;

- Dự kiến chi phí, nguồn lực thực hiện và các yêu cầu cần thiết khác có liên quan.

- Số lượng hồ sơ: Không quy định.

d) Thời hạn giải quyết: Căn cứ quy chế về công tác văn thư tại cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan tham mưu thuộc Cục Đường bộ Việt Nam

- Cơ quan tham mưu thuộc UBND các cấp

- Cơ quan, đơn vị tham mưu thuộc cơ quan chuyên môn về xây dựng của Bộ Xây dựng

- Cơ quan, đơn vị tham mưu thuộc cơ quan đại diện chủ sở hữu công trình đường bộ.

f) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Cục Đường bộ Việt Nam, UBND các cấp, cơ quan chuyên môn về xây dựng của Bộ Xây dựng, cơ quan đại diện chủ sở hữu công trình đường bộ.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Công bố quyết định Lệnh xây dựng công trình khẩn cấp.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không có.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai; mẫu kết quả giải quyết TTHC: Không có

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Căn cứ Thông tư số 40/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ GTVT (nay Bộ Xây dựng) quy định về phòng, chống, khắc phục hậu quả lụt thiên tai trong lĩnh vực đường bộ;

- Thông tư 72/2025/TT-BXD ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 36/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và hoạt động của bến xe, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ, điểm dừng xe trên đường bộ; quy định trình tự, thủ tục đưa bến xe, trạm dừng nghỉ vào khai thác, Thông tư số 40/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về công tác phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai trong lĩnh vực đường bộ; Thông tư số 41/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ, Thông tư số 22/2014/TT-BGTVT ngày 06 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn xây dựng quy trình vận hành, khai thác bến phà, bến khách ngang sông sử dụng phà một lưỡi chở hành khách và xe ô tô.

16. Thẩm định, phê duyệt hồ sơ hoàn thành khắc phục hậu quả thiên tai, xử lý ùn tắc, bảo đảm giao thông; hồ sơ hoàn thành dự án khẩn cấp phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai đối với đường quốc lộ, đường cao tốc thuộc thẩm quyền của Bộ Xây dựng

a) Trình tự thực hiện:

- Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành thi công trên hiện trường, Khu Quản lý đường bộ đối với tuyến đường bộ được giao quản lý có trách nhiệm trình hồ sơ đến Cục Đường bộ Việt Nam để thẩm định, phê duyệt.

- Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành thi công trên hiện trường, cơ quan, tổ chức được UBND cấp tỉnh giao có trách nhiệm trình hồ sơ đến cơ quan, tổ chức được UBND cấp tỉnh giao để thẩm định, phê duyệt.

- Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành thi công trên hiện trường, doanh nghiệp được nhà nước giao đối với công trình đường bộ được giao quản lý có trách nhiệm trình hồ sơ đến Cơ quan đại diện chủ sở hữu để thẩm định, phê duyệt.

b) Cách thức thực hiện: Trực tuyến (hệ thống liên thông quản lý văn bản)

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Tờ trình của Cơ quan lập Hồ sơ;

- Thuyết minh phương án khắc phục hậu quả thiên tai, bảo đảm giao thông;

- Văn bản chỉ đạo điều hành, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai như: công điện hoặc văn bản hoặc lệnh điều động; văn bản chỉ đạo về quy mô, giải pháp sửa chữa, gia cố khắc phục của cơ quan có thẩm quyền;

- Báo cáo ban đầu kèm theo một số ảnh chụp về thiệt hại do thiên tai gây ra của cơ quan lập hồ sơ hoặc nhà thầu quản lý, bảo dưỡng thường xuyên, vận hành khai thác công trình đường bộ;

- Biên bản xác nhận khối lượng đã thực hiện công tác khắc phục hậu quả thiên tai, xử lý ùn tắc, bảo đảm giao thông, kèm theo bản kê khối lượng chi tiết đã thực hiện. Thành phần ký biên bản gồm: Đối với trường hợp khắc phục hậu quả thiên tai, xử lý ùn tắc, bảo đảm giao thông trên đường bộ đang khai thác, thành phần ký biên bản theo quy định tại điểm h khoản này và nhà thầu khắc phục hậu quả thiên tai, xử lý ùn tắc, bảo đảm giao thông trong trường hợp nhà thầu bảo dưỡng thường xuyên không thực hiện công việc này. Đối với trường hợp khắc phục hậu quả thiên tai, xử lý ùn tắc, bảo đảm giao thông tại các dự án thi công xây dựng trên đường bộ đang khai thác, thành phần ký biên bản theo quy định tại điểm h khoản 3 Điều 16 Thông tư 40/2024/TT-BGTVT)

- Bản vẽ hoàn công;

- Dự toán kinh phí cho công trình khẩn cấp khắc phục hậu quả thiên tai, bảo đảm giao thông đã thực hiện, kèm các bản thuyết minh tính toán chi tiết;

- Biên bản xác minh thiệt hại lập tại hiện trường (gồm các thông tin: vị trí, lý trình; mô tả, đánh giá mức độ thiệt hại, hư hỏng công trình đường bộ; sơ bộ khối lượng hư hỏng; đề xuất phương án xử lý, khắc phục); Thành phần ký biên bản theo quy định tại điểm h khoản 3 Điều 16 Thông tư 40/2024/TT-BGTVT);

- Các bản vẽ kỹ thuật thi công thể hiện khối lượng, kết cấu công trình tạm;

- Nhật ký thi công xây dựng công trình và các hình ảnh ghi nhận quá trình thi công xây dựng công trình, bảng chấm công trực điều tiết, phân luồng bảo đảm giao thông;

- Tờ trình nêu trên là bản chính, hoặc biểu mẫu điện tử; thành phần hồ sơ còn lại quy định tại khoản này là bản sao.

- Số lượng hồ sơ: Không quy định.

d) Thời hạn giải quyết: 20 ngày, kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt hồ sơ nhận được hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Khu Quản lý đường bộ.

- Cơ quan, tổ chức được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao.

- Doanh nghiệp được nhà nước giao đầu tư.

f) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Cục Đường bộ Việt Nam, Cơ quan, tổ chức được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao, Cơ quan đại diện chủ sở hữu

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt Hồ sơ hoàn thành công trình khẩn cấp khắc phục hậu quả thiên tai, bảo đảm giao thông; hồ sơ hoàn thành dự án khẩn cấp phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai.

h) Phí, lệ phí (nếu có): theo quy định hiện hành.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai; mẫu kết quả giải quyết TTHC: Không quy định.

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không quy định.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Căn cứ Thông tư số 40/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ GTVT (nay Bộ Xây dựng) quy định về phòng, chống, khắc phục hậu quả lụt thiên tai trong lĩnh vực đường bộ;

- Thông tư 72/2025/TT-BXD ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 36/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và hoạt động của bến xe, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ, điểm dừng xe trên đường bộ; quy định trình tự, thủ tục đưa bến xe, trạm dừng nghỉ vào khai thác, Thông tư số 40/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về công tác phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai trong lĩnh vực đường bộ; Thông tư số 41/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ, Thông tư số 22/2014/TT-BGTVT ngày 06 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn xây dựng quy trình vận hành, khai thác bến phà, bến khách ngang sông sử dụng phà một lưỡi chở hành khách và xe ô tô.

IV. Lĩnh vực Nhà ở

17. Thủ tục chuyển đổi công năng nhà ở đối với nhà ở xây dựng trong dự án được đầu tư bằng nguồn vốn đầu tư công thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh

a) Trình tự thực hiện:

- Chủ đầu tư dự án lập hồ sơ gửi đến Sở Xây dựng nơi có nhà ở;

- Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Xây dựng có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ; nếu đáp ứng quy định thì báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có nhà ở chấp thuận chuyển đổi công năng; trường hợp không đủ điều kiện chuyển đổi công năng nhà ở thì phải có văn bản trả lời chủ đầu tư nêu rõ lý do;

+ Trong thời hạn tối đa 20 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị của Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, chấp thuận việc chuyển đổi công năng nhà ở; trường hợp không đủ điều kiện chuyển đổi công năng thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải có văn bản gửi cơ quan quản lý nhà ở nêu rõ lý do để trả lời cho chủ đầu tư biết.

b) Cách thức thực hiện: nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến (nếu có). Hồ sơ TTHC phải được thực hiện quản trị nội bộ trên môi trường điện tử.

c) Thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ:

- Văn bản đề nghị chuyển đổi công năng nhà ở quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 95/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở;

- Đề án chuyển đổi công năng nhà ở bao gồm các nội dung: địa chỉ, số lượng nhà ở cần chuyển đổi; nguyên nhân, sự cần thiết phải chuyển đổi công năng nhà ở, thời gian thực hiện việc chuyển đổi, loại nhà ở sau khi chuyển đổi, phương án quản lý sử dụng nhà ở sau khi chuyển đổi (cho thuê, cho thuê mua hoặc bán theo quy định pháp luật về nhà ở), trách nhiệm thực hiện của các cá nhân, cơ quan, tổ chức liên quan, việc thực hiện nghĩa vụ tài chính (nếu có) và các nội dung khác có liên quan;

- Quyết định hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án của cơ quan có thẩm quyền, giấy tờ nghiệm thu đưa nhà ở vào sử dụng theo quy định của pháp luật về xây dựng.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ.

d) Thời hạn giải quyết: 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Chủ đầu tư dự án nhà ở có nhu cầu chuyển đổi công năng nhà ở.

f) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản chấp thuận chuyển đổi công năng nhà ở của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

h) Phí, Lệ phí: Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Văn bản đề nghị chuyển đổi công năng nhà ở.

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: nhà ở xây dựng theo dự án đã hoàn thành nghiệm thu đưa vào sử dụng.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Nhà ở năm 2023;

- Nghị định số 95/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở;

- Nghị định số 54/2026/NĐ-CP ngày 09/02/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực nhà ở, kinh doanh bất động sản.

V. Lĩnh vực Xây dựng

18. Thủ tục xây dựng, phê duyệt chương trình phát triển nhà ở Thành phố

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Lập tờ trình đề xuất Ủy ban nhân dân Thành phố xây dựng chương trình phát triển nhà ở Thành phố.

Sở Xây dựng lập tờ trình đề xuất xây dựng chương trình phát triển nhà ở Thành phố gửi Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét phê duyệt bao gồm đề cương chi tiết, dự toán kinh phí xây dựng chương trình phát triển nhà ở, tiến độ và phương thức tự thực hiện hoặc thuê đơn vị tư vấn có kinh nghiệm về việc xây dựng chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở để thực hiện.

Bước 2: Phê duyệt đề xuất xây dựng chương trình phát triển nhà ở.

Trong thời hạn tối đa 45 ngày, kể từ ngày nhận được tờ trình của Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân Thành phố có trách nhiệm xem xét, phê duyệt đề xuất xây dựng chương trình phát triển nhà ở.

Bước 3: Triển khai xây dựng chương trình phát triển nhà ở.

Căn cứ nội dung phê duyệt của Ủy ban nhân dân Thành phố:

- Trường hợp Sở Xây dựng trực tiếp thực hiện thì phải tổ chức triển khai xây dựng chương trình phát triển nhà ở theo tiến độ đã được phê duyệt;

- Trường hợp thuê đơn vị tư vấn thực hiện thì Sở Xây dựng tổ chức đấu thầu lựa chọn đơn vị tư vấn theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

Trong quá trình xây dựng chương trình phát triển nhà ở, Ủy ban nhân dân cấp xã, các Sở, ban, ngành và các đơn vị liên quan có trách nhiệm phối hợp Sở Xây dựng, đơn vị tư vấn để tổ chức khảo sát; tổng hợp, cung cấp số liệu; xây dựng chương trình phát triển nhà ở.

Bước 4: Lấy ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp xã, các cơ quan và tổ chức có liên quan.

Sau khi hoàn thành dự thảo chương trình phát triển nhà ở, Sở Xây dựng phải gửi văn bản lấy ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp xã, các Sở, ban, ngành và các đơn vị liên quan.

Trong thời hạn tối đa 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến của Sở Xây dựng, các cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến phải gửi văn bản trả lời Sở Xây dựng.

Bước 5: Hoàn thiện nội dung dự thảo chương trình phát triển nhà ở, lập tờ trình gửi Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét cho ý kiến để trình Hội đồng nhân dân Thành phố thông qua.

Trong thời hạn tối đa 45 ngày, kể từ ngày gửi văn bản góp ý, Sở Xây dựng có trách nhiệm hoàn thiện, chỉnh sửa nội dung dự thảo chương trình phát triển nhà ở; lập tờ trình gửi Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét cho ý kiến để trình Hội đồng nhân dân Thành phố thông qua.

Bước 6: Phê duyệt và đăng tải chương trình phát triển nhà ở Thành phố.

Sau khi Hội đồng nhân dân Thành phố thông qua chương trình phát triển nhà ở, trong thời gian tối đa 15 ngày, Ủy ban nhân dân Thành phố phải ban hành quyết định phê duyệt chương trình phát triển nhà ở Thành phố và đăng tải chương trình này trên

Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân Thành phố, đồng thời gửi cho Sở Xây dựng để đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan này và gửi chương trình về Bộ Xây dựng để theo dõi việc thực hiện.

b) Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ trực tiếp tại Sở Xây dựng hoặc qua đường bưu chính công ích.

c) Thành phần hồ sơ:

- Tờ trình đề xuất xây dựng chương trình phát triển nhà ở Thành phố gửi Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét phê duyệt;

- Đề cương chương trình phát triển nhà ở;

- Dự toán kinh phí xây dựng chương trình phát triển nhà ở, tiến độ và phương thức tự thực hiện hoặc thuê đơn vị tư vấn có kinh nghiệm về việc xây dựng chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở;

- Dự thảo Văn bản của Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt đề xuất xây dựng chương trình phát triển nhà ở Thành phố.

- Văn bản của Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt đề xuất xây dựng chương trình phát triển nhà ở.

- Kế hoạch điều tra, khảo sát, thu thập số liệu về nhà ở;

- Văn bản của Sở Xây dựng yêu cầu Ủy ban nhân dân cấp xã, các Sở, ban, ngành và các đơn vị liên quan báo cáo, cung cấp số liệu;

- Văn bản của Ủy ban nhân dân cấp xã, các Sở, ban, ngành và các đơn vị liên quan báo cáo, cung cấp số liệu gửi về Sở Xây dựng;

- Dự thảo chương trình phát triển nhà ở.

- Thành phần hồ sơ trình Ủy ban nhân dân Thành phố bao gồm: Tờ trình của Sở Xây dựng; dự thảo chương trình phát triển nhà ở; báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến của các cơ quan, tổ chức; dự thảo Tờ trình của Ủy ban nhân dân Thành phố trình Hội đồng nhân dân Thành phố thông qua và dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố về việc phê duyệt chương trình phát triển nhà ở.

- Nội dung trình Hội đồng nhân dân Thành phố thông qua bao gồm: mục tiêu, chỉ tiêu phát triển nhà ở; nhu cầu về nguồn vốn để phát triển nhà ở; dự kiến diện tích đất để phát triển nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang, nhà ở phục vụ tái định cư, nhà ở công vụ, cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư (nếu có) và các giải pháp để thực hiện chương trình phát triển nhà ở.

- Nghị quyết phê duyệt chương trình phát triển nhà ở Thành phố của Hội đồng nhân dân Thành phố;

- Quyết định phê duyệt chương trình phát triển nhà ở Thành phố của Ủy ban nhân dân Thành phố.

d) Thời hạn giải quyết:

- Trước ngày 30 tháng 6 của năm cuối kỳ chương trình, Ủy ban nhân dân Thành phố phải tổ chức xây dựng, phê duyệt chương trình phát triển nhà ở kỳ tiếp theo.

- Trong thời hạn tối đa 45 ngày, kể từ ngày nhận được tờ trình của Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân Thành phố có trách nhiệm xem xét, phê duyệt đề xuất xây dựng chương trình phát triển nhà ở.

- Trong thời hạn tối đa 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến của Sở Xây dựng, các cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến phải gửi văn bản trả lời Sở Xây dựng.

- Trong thời hạn tối đa 45 ngày, kể từ ngày gửi văn bản góp ý, Sở Xây dựng có trách nhiệm hoàn thiện, chỉnh sửa nội dung dự thảo chương trình phát triển nhà ở; lập tờ trình gửi Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét cho ý kiến để trình Hội đồng nhân dân Thành phố thông qua.

- Sau khi Hội đồng nhân dân Thành phố thông qua chương trình phát triển nhà ở, trong thời gian tối đa 15 ngày, Ủy ban nhân dân Thành phố phải ban hành quyết định phê duyệt chương trình phát triển nhà ở Thành phố và đăng tải chương trình này trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân Thành phố, đồng thời gửi cho Sở Xây dựng để đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan này và gửi chương trình về Bộ Xây dựng để theo dõi việc thực hiện.

e) Đối tượng thực hiện TTHC:

Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân Thành phố, Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Ủy ban nhân dân cấp xã, các Sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan.

f) Cơ quan giải quyết TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Hội đồng nhân dân Thành phố, Ủy ban nhân dân Thành phố.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân Thành phố, Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Ủy ban nhân dân cấp xã, các Sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan.

- Cơ quan phối hợp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân Thành phố, Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Ủy ban nhân dân cấp xã, các Sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan, đơn vị tư vấn (*trong trường hợp thuê đơn vị tư vấn*).

g) Kết quả thực hiện TTHC:

Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố, Quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt chương trình phát triển nhà ở Thành phố.

h) Lệ phí: Không có quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Đề cương xây dựng chương trình phát triển nhà ở Thành phố theo mẫu số 01 của Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 95/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở.

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

Căn cứ Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia, quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị; điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố; kết quả thực hiện chương trình phát triển nhà ở kỳ trước; hiện trạng nhà ở; nhu cầu về nhà ở trong giai đoạn xây dựng chương trình phát triển nhà ở (khoản 1 Điều 26 Luật Nhà ở năm 2023).

k) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Nhà ở số 27/2023/QH15 ngày 27/11/2023;

- Khoản 1 Điều 10 Nghị định số 95/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở.

19. Thủ tục điều chỉnh chương trình phát triển nhà ở Thành phố

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Lập tờ trình đề xuất Ủy ban nhân dân Thành phố điều chỉnh chương trình phát triển nhà ở Thành phố.

Sở Xây dựng lập tờ trình đề xuất điều chỉnh chương trình phát triển nhà ở Thành phố gửi Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét phê duyệt bao gồm đề cương chi tiết, dự toán kinh phí điều chỉnh chương trình phát triển nhà ở, tiến độ và dự kiến đơn vị, cơ quan điều chỉnh chương trình.

Bước 2: Phê duyệt đề xuất điều chỉnh chương trình phát triển nhà ở.

Trong thời hạn tối đa 45 ngày, kể từ ngày nhận được tờ trình của Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân Thành phố có trách nhiệm xem xét, phê duyệt đề xuất điều chỉnh chương trình phát triển nhà ở.

Bước 3: Triển khai điều chỉnh chương trình phát triển nhà ở.

Căn cứ nội dung phê duyệt của Ủy ban nhân dân Thành phố:

- Trường hợp Sở Xây dựng trực tiếp thực hiện thì phải tổ chức triển khai điều chỉnh chương trình phát triển nhà ở theo tiến độ đã được phê duyệt;

- Trường hợp thuê đơn vị tư vấn thực hiện thì Sở Xây dựng tổ chức đấu thầu lựa chọn đơn vị tư vấn theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

Trong quá trình điều chỉnh chương trình phát triển nhà ở, Ủy ban nhân dân cấp xã, các Sở, ban, ngành và các đơn vị liên quan có trách nhiệm phối hợp Sở Xây dựng, đơn vị tư vấn để tổ chức khảo sát; tổng hợp, cung cấp số liệu; điều chỉnh chương trình phát triển nhà ở.

Bước 4: Lấy ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp xã, các cơ quan và tổ chức có liên quan.

Sau khi hoàn thành dự thảo điều chỉnh chương trình phát triển nhà ở, Sở Xây dựng phải gửi văn bản lấy ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp xã, các Sở, ban, ngành và các đơn vị liên quan.

Trong thời hạn tối đa 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến của Sở Xây dựng, các cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến phải gửi văn bản trả lời Sở Xây dựng.

Bước 5: Hoàn thiện nội dung dự thảo điều chỉnh chương trình phát triển nhà ở, lập tờ trình gửi Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét cho ý kiến để trình Hội đồng nhân dân Thành phố thông qua

Trong thời hạn tối đa 45 ngày, kể từ ngày gửi văn bản góp ý, Sở Xây dựng có trách nhiệm hoàn thiện, chỉnh sửa nội dung dự thảo điều chỉnh chương trình phát triển nhà ở; lập tờ trình gửi Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét cho ý kiến để trình Hội đồng nhân dân Thành phố thông qua.

Bước 6: Phê duyệt và đăng tải chương trình phát triển nhà ở Thành phố điều chỉnh.

Sau khi Hội đồng nhân dân Thành phố thông qua nội dung điều chỉnh chương trình phát triển nhà ở, trong thời gian tối đa 15 ngày, Ủy ban nhân dân Thành phố phải ban hành quyết định phê duyệt điều chỉnh chương trình phát triển nhà ở Thành phố và đăng tải chương trình này trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân Thành phố, đồng thời gửi cho Sở Xây dựng để đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan này và gửi chương trình về Bộ Xây dựng để theo dõi việc thực hiện.

b) Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ trực tiếp tại Sở Xây dựng hoặc qua đường bưu chính công ích.

c) Thành phần hồ sơ:

- Tờ trình đề xuất điều chỉnh chương trình phát triển nhà ở Thành phố gửi Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét phê duyệt;

- Đề cương điều chỉnh chương trình phát triển nhà ở;

- Dự toán kinh phí điều chỉnh chương trình phát triển nhà ở, tiến độ và dự kiến đơn vị, cơ quan điều chỉnh chương trình;

- Dự thảo Văn bản của Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt đề xuất điều chỉnh chương trình phát triển nhà ở Thành phố.

- Văn bản của Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt đề xuất điều chỉnh chương trình phát triển nhà ở.

- Kế hoạch điều tra, khảo sát, thu thập số liệu về nhà ở;

- Văn bản của Sở Xây dựng yêu cầu Ủy ban nhân dân cấp xã, các Sở, ban, ngành và các đơn vị liên quan báo cáo, cung cấp số liệu;

- Văn bản của Ủy ban nhân dân cấp xã, các Sở, ban, ngành và các đơn vị liên quan báo cáo, cung cấp số liệu gửi về Sở Xây dựng;

- Dự thảo điều chỉnh chương trình phát triển nhà ở.

- Thành phần hồ sơ trình Ủy ban nhân dân Thành phố bao gồm: Tờ trình của Sở Xây dựng; dự thảo điều chỉnh chương trình phát triển nhà ở; báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến của các cơ quan, tổ chức; dự thảo Tờ trình của Ủy ban nhân dân Thành phố trình Hội đồng nhân dân Thành phố thông qua và dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố về việc phê duyệt nội dung điều chỉnh chương trình phát triển nhà ở.

- Nội dung trình Hội đồng nhân dân Thành phố thông qua bao gồm: mục tiêu, chỉ tiêu phát triển nhà ở; nhu cầu về nguồn vốn để phát triển nhà ở; dự kiến diện tích đất để phát triển nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang, nhà ở phục vụ tái định cư, nhà ở công vụ, cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư (nếu có) và các giải pháp để thực hiện chương trình phát triển nhà ở.

- Nghị quyết phê duyệt điều chỉnh chương trình phát triển nhà ở Thành phố của Hội đồng nhân dân Thành phố;

- Quyết định phê duyệt điều chỉnh chương trình phát triển nhà ở Thành phố của Ủy ban nhân dân Thành phố.

d) Thời hạn giải quyết:

- Thời gian xây dựng, phê duyệt điều chỉnh chương trình phát triển nhà ở tối đa là 12 tháng, kể từ khi có một trong các căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28 của Luật Nhà ở.

Trường hợp Thành phố đã phê duyệt chương trình phát triển nhà ở mà trong chương trình chưa có chỉ tiêu về phát triển nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân hoặc đã có chỉ tiêu cho các đối tượng này nhưng Bộ Quốc phòng, Bộ Công an đề nghị điều chỉnh chỉ tiêu thì Ủy ban nhân dân Thành phố báo cáo Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định bổ sung hoặc điều chỉnh các chỉ tiêu này trong chương trình phát triển nhà ở; việc bổ sung, điều chỉnh các chỉ tiêu này chỉ thực hiện một lần trong cả giai đoạn chương trình đã phê duyệt.

- Trong thời hạn tối đa 45 ngày, kể từ ngày nhận được tờ trình của Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân Thành phố có trách nhiệm xem xét, phê duyệt đề xuất điều chỉnh chương trình phát triển nhà ở.

- Trường hợp Sở Xây dựng trực tiếp thực hiện: tổ chức triển khai điều chỉnh chương trình phát triển nhà ở theo tiến độ đã được phê duyệt;

- Trường hợp thuê đơn vị tư vấn thực hiện: Sở Xây dựng tổ chức đấu thầu lựa chọn đơn vị tư vấn, thời gian theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

- Trong thời hạn tối đa 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến của Sở Xây dựng, các cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến phải gửi văn bản trả lời Sở Xây dựng.

- Trong thời hạn tối đa 45 ngày, kể từ ngày gửi văn bản góp ý, Sở Xây dựng có trách nhiệm hoàn thiện, chỉnh sửa nội dung dự thảo điều chỉnh chương trình phát triển nhà ở; lập tờ trình gửi Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét cho ý kiến để trình Hội đồng nhân dân Thành phố thông qua.

- Sau khi Hội đồng nhân dân Thành phố thông qua nội dung điều chỉnh chương trình phát triển nhà ở, trong thời gian tối đa 15 ngày, Ủy ban nhân dân Thành phố phải ban hành quyết định phê duyệt điều chỉnh chương trình phát triển nhà ở Thành phố và đăng tải chương trình này trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân Thành phố, đồng thời gửi cho Sở Xây dựng để đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan này và gửi chương trình về Bộ Xây dựng để theo dõi việc thực hiện.

e) Đối tượng thực hiện TTHC:

Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân Thành phố, Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Ủy ban nhân dân cấp xã, các Sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan.

f) Cơ quan giải quyết TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Hội đồng nhân dân Thành phố, Ủy ban nhân dân Thành phố.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân Thành phố, Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Ủy ban nhân dân cấp xã, các Sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan.

- Cơ quan phối hợp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân Thành phố, Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Ủy ban nhân dân cấp xã, các Sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan, đơn vị tư vấn (*trong trường hợp thuê đơn vị tư vấn*).

g) Kết quả thực hiện TTHC:

Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố, Quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt điều chỉnh chương trình phát triển nhà ở Thành phố.

h) Lệ phí: Không có quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không có quy định.

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

Căn cứ khoản 1 Điều 28 Luật Nhà ở số 27/2023/QH15 quy định về Điều chỉnh chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở cấp tỉnh: "*Việc điều chỉnh chương trình phát triển nhà ở cấp tỉnh được thực hiện khi có thay đổi một trong các nội dung quy định tại các điểm c, d, đ hoặc h khoản 1 Điều 27 của Luật này do điều chỉnh quy hoạch tỉnh hoặc do phê duyệt quy hoạch tỉnh trong giai đoạn mới hoặc do thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính cấp tỉnh*", cụ thể là thay đổi các nội dung sau:

- Thay đổi dự kiến diện tích đất để phát triển nhà ở xã hội, nhà ở phục vụ tái định cư, nhà ở công vụ, cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư. Dự kiến tổng nhu cầu diện tích sàn nhà ở tăng thêm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong kỳ chương trình phát triển nhà ở cấp tỉnh, trong đó phân định nhu cầu về diện tích nhà ở của từng nhóm đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở xã hội, từng loại hình nhà ở phát triển theo dự án (điểm c khoản 1 Điều 27 Luật Nhà ở);

- Thay đổi mục tiêu tổng quát, mục tiêu cụ thể cho việc phát triển nhà ở trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (điểm d khoản 1 Điều 27 Luật Nhà ở);

- Thay đổi định hướng chỉ tiêu phát triển nhà ở trong kỳ chương trình, bao gồm diện tích nhà ở bình quân đầu người tại khu vực đô thị, khu vực nông thôn và trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; diện tích sàn nhà ở tối thiểu; dự kiến diện tích sàn nhà ở sẽ hoàn thành và đưa vào sử dụng trong kỳ chương trình; chất lượng nhà ở tại đô thị và nông thôn (điểm đ khoản 1 Điều 27 Luật Nhà ở);

- Khu vực dự kiến phát triển nhà ở phân theo đơn vị hành chính cấp huyện (Điểm h khoản 1 Điều 27 Luật Nhà ở).

k) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Nhà ở số 27/2023/QH15 ngày 27/11/2023;

- Khoản 2 Điều 10 Nghị định số 95/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở.

20. Thủ tục xây dựng, phê duyệt kế hoạch phát triển nhà ở Thành phố

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Lập tờ trình đề xuất Ủy ban nhân dân Thành phố xây dựng kế hoạch phát triển nhà ở Thành phố.

Sở Xây dựng lập tờ trình gửi Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét phê duyệt bao gồm các nội dung: đề cương chi tiết, dự toán kinh phí xây dựng kế hoạch phát triển nhà ở, tiến độ và phương thức tự thực hiện hoặc thuê đơn vị tư vấn có kinh nghiệm về việc xây dựng chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở để thực hiện.

Đối với việc xây dựng kế hoạch phát triển nhà ở cho 05 năm của đầu kỳ chương trình phát triển nhà ở thì trong thời hạn tối đa 15 ngày, kể từ ngày Ủy ban nhân dân

Thành phố phê duyệt chương trình phát triển nhà ở, Sở Xây dựng phải lập báo cáo đề xuất gửi Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, phê duyệt.

Đối với việc xây dựng kế hoạch phát triển nhà ở 05 năm tiếp theo của kỳ chương trình phát triển nhà ở thì Sở Xây dựng phải lập đề xuất gửi Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, phê duyệt trước ngày 30 tháng 6 của năm cuối kỳ kế hoạch trước đó.

Bước 2: Phê duyệt đề xuất xây dựng kế hoạch phát triển nhà ở Thành phố.

Trong thời hạn tối đa 30 ngày, kể từ ngày nhận được tờ trình của Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, phê duyệt đề xuất xây dựng kế hoạch phát triển nhà ở Thành phố.

Bước 3: Triển khai xây dựng kế hoạch phát triển nhà ở Thành phố.

- Trường hợp Sở Xây dựng trực tiếp thực hiện thì phải tổ chức triển khai xây dựng kế hoạch phát triển nhà ở theo tiến độ đã được phê duyệt;

- Trường hợp thuê đơn vị tư vấn thực hiện thì Sở Xây dựng tổ chức đấu thầu lựa chọn đơn vị tư vấn theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

Trong quá trình xây dựng kế hoạch phát triển nhà ở, Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan có liên quan của địa phương có trách nhiệm phối hợp với Sở Xây dựng, đơn vị tư vấn để tổ chức khảo sát; tổng hợp, cung cấp số liệu; xây dựng kế hoạch phát triển nhà ở; trường hợp trong kế hoạch có sử dụng vốn đầu tư công để thực hiện các dự án đầu tư xây dựng nhà ở thì trong nội dung phải nêu cụ thể danh mục dự án có sử dụng vốn, số vốn cần bố trí, giai đoạn giải ngân trong kỳ kế hoạch để lấy ý kiến của cơ quan kế hoạch và đầu tư Thành phố.

Bước 4: Xây dựng dự thảo kế hoạch phát triển nhà ở và tổ chức lấy ý kiến của các cơ quan, tổ chức có liên quan.

Sau khi hoàn thành xây dựng dự thảo kế hoạch phát triển nhà ở, Sở Xây dựng phải gửi văn bản lấy ý kiến của các cơ quan, tổ chức quy định tại điểm c khoản 1 Điều 11 Nghị định số 95/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 của Chính phủ.

Trong thời hạn tối đa 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến của Sở Xây dựng, các cơ quan được lấy ý kiến phải gửi văn bản trả lời cho Sở Xây dựng.

Bước 5: Hoàn thiện nội dung dự thảo kế hoạch phát triển nhà ở, lập tờ trình gửi Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét phê duyệt kế hoạch phát triển nhà ở Thành phố và công bố Kế hoạch phát triển nhà ở.

Trong thời hạn tối đa 30 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản góp ý, Sở Xây dựng phối hợp cùng đơn vị tư vấn *(Trường hợp thuê đơn vị tư vấn thực hiện)* hoàn thiện nội dung dự thảo kế hoạch phát triển nhà ở, lập tờ trình gửi Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét phê duyệt.

Bước 6: Phê duyệt và đăng tải kế hoạch phát triển nhà ở Thành phố.

Trong thời hạn tối đa 15 ngày, kể từ ngày nhận được tờ trình của Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, phê duyệt kế hoạch phát triển nhà ở Thành phố.

Trong thời hạn tối đa 05 ngày làm việc, kể từ ngày ban hành quyết định phê duyệt kế hoạch phát triển nhà ở Thành phố, Ủy ban nhân dân Thành phố phải đăng tải công khai kế hoạch phát triển nhà ở Thành phố trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân

dân Thành phố, đồng thời gửi cho Sở Xây dựng để đăng tải công khai trên trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan này và gửi về Bộ Xây dựng để theo dõi việc thực hiện.

b) Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ trực tiếp tại Sở Xây dựng hoặc qua đường bưu chính công ích.

c) Thành phần hồ sơ:

- Tờ trình đề xuất Ủy ban nhân dân Thành phố xây dựng kế hoạch phát triển nhà ở Thành phố;

- Đề cương xây dựng kế hoạch phát triển nhà ở Thành phố;

- Dự toán kinh phí xây dựng kế hoạch phát triển nhà ở, tiến độ và phương thức tự thực hiện hoặc thuê đơn vị tư vấn có kinh nghiệm về việc xây dựng chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở;

- Dự thảo Văn bản của Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, phê duyệt đề xuất xây dựng kế hoạch phát triển nhà ở Thành phố.

- Văn bản của Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt đề xuất xây dựng kế hoạch phát triển nhà ở Thành phố.

- Văn bản của Sở Xây dựng về khảo sát, thu thập thông tin từ Ủy ban nhân dân các quận, huyện và thành phố Thủ Đức và các cơ quan có liên quan của địa phương;

- Văn bản của Ủy ban nhân dân các quận, huyện và thành phố Thủ Đức và các cơ quan có liên quan của địa phương tổng hợp, cung cấp số liệu gửi Sở Xây dựng, đơn vị tư vấn để xây dựng kế hoạch phát triển nhà ở.

- Dự thảo kế hoạch phát triển nhà ở Thành phố;

- Văn bản của Sở Xây dựng đề nghị Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan có liên quan của địa phương ở bước 3 có ý kiến đối với dự thảo kế hoạch phát triển nhà ở Thành phố.

- Văn bản của Ủy ban nhân dân các quận, huyện và thành phố Thủ Đức và các cơ quan có liên quan được lấy ý kiến góp ý đối với dự thảo kế hoạch phát triển nhà ở Thành phố.

- Kế hoạch phát triển nhà ở Thành phố;

- Tờ trình của Sở Xây dựng gửi Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét phê duyệt kế hoạch phát triển nhà ở Thành phố;

- Dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt Kế hoạch phát triển nhà ở Thành phố.

- Quyết định phê duyệt kế hoạch phát triển nhà ở Thành phố của Ủy ban nhân dân Thành phố.

d) Thời hạn giải quyết:

- Đối với việc xây dựng kế hoạch phát triển nhà ở cho 05 năm của đầu kỳ chương trình phát triển nhà ở thì trong thời hạn tối đa 15 ngày, kể từ ngày Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt chương trình phát triển nhà ở, Sở Xây dựng phải lập báo cáo đề xuất quy định tại điểm này gửi Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, phê duyệt.

- Đối với việc xây dựng kế hoạch phát triển nhà ở 05 năm tiếp theo của kỳ chương trình phát triển nhà ở thì Sở Xây dựng phải lập đề xuất gửi Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, phê duyệt trước ngày 30 tháng 6 của năm cuối kỳ kế hoạch trước đó.

- Trong thời hạn tối đa 30 ngày, kể từ ngày nhận được tờ trình của Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, phê duyệt đề xuất xây dựng kế hoạch phát triển nhà ở Thành phố.

- Trường hợp Sở Xây dựng trực tiếp thực hiện thì phải tổ chức triển khai xây dựng kế hoạch phát triển nhà ở theo tiến độ đã được phê duyệt;

- Trường hợp thuê đơn vị tư vấn thực hiện thì Sở Xây dựng tổ chức đấu thầu lựa chọn đơn vị tư vấn, thời gian theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

- Trong thời hạn tối đa 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến của Sở Xây dựng, các cơ quan được lấy ý kiến phải gửi văn bản trả lời cho Sở Xây dựng.

- Trong thời hạn tối đa 30 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản góp ý, Sở Xây dựng phối hợp cùng đơn vị tư vấn *(Trường hợp thuê đơn vị tư vấn thực hiện)* hoàn thiện nội dung dự thảo kế hoạch phát triển nhà ở, lập tờ trình gửi Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét phê duyệt.

- Trong thời hạn tối đa 15 ngày, kể từ ngày nhận được tờ trình của Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, phê duyệt kế hoạch phát triển nhà ở.

- Trong thời hạn tối đa 05 ngày làm việc, kể từ ngày ban hành quyết định phê duyệt, Ủy ban nhân dân Thành phố phải đăng tải công khai kế hoạch phát triển nhà ở trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân Thành phố, đồng thời gửi cho Sở Xây dựng để đăng tải công khai trên trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan này và gửi về Bộ Xây dựng để theo dõi việc thực hiện.

e) Đối tượng thực hiện TTHC:

Sở Xây dựng, Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Ủy ban nhân dân Thành phố, Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan có liên quan.

f) Cơ quan giải quyết TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân Thành phố.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân Thành phố, Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Ủy ban nhân dân cấp xã, các Sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan.

- Cơ quan phối hợp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân Thành phố, Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Ủy ban nhân dân cấp xã, các Sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan, đơn vị tư vấn (*trong trường hợp thuê đơn vị tư vấn*).

g) Kết quả thực hiện TTHC:

Quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt Kế hoạch phát triển nhà ở Thành phố.

h) Phí, lệ phí: Không có quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Đề cương xây dựng kế hoạch phát triển nhà ở theo mẫu số 02 của Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 95/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở.

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

Căn cứ vào Chương trình phát triển nhà ở Thành phố; Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố; kết quả thực hiện kế hoạch phát triển nhà ở Thành phố kỳ trước; hiện trạng nhà ở (khoản 2 Điều 26 Luật Nhà ở).

k) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Nhà ở số 27/2023/QH15 ngày 27/11/2023;

- Khoản 1 Điều 11 Nghị định số 95/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở.

21. Thủ tục điều chỉnh kế hoạch phát triển nhà ở Thành phố

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Lập tờ trình đề xuất Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, phê duyệt điều chỉnh kế hoạch phát triển nhà ở Thành phố.

Sau khi có một trong các căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 28 của Luật Nhà ở, Sở Xây dựng lập đề xuất gửi Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, phê duyệt bao gồm các nội dung: kế hoạch thực hiện, đề cương chi tiết, dự toán kinh phí điều chỉnh kế hoạch phát triển nhà ở; trong đó nêu rõ sự cần thiết phải điều chỉnh kế hoạch phát triển nhà ở.

Bước 2: Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt đề xuất điều chỉnh kế hoạch phát triển nhà ở Thành phố.

Bước 3: Triển khai xây dựng điều chỉnh kế hoạch phát triển nhà ở Thành phố

- Trường hợp Sở Xây dựng trực tiếp thực hiện thì phải tổ chức triển khai xây dựng điều chỉnh kế hoạch phát triển nhà ở theo tiến độ đã được phê duyệt.

- Trường hợp thuê đơn vị tư vấn thực hiện thì Sở Xây dựng tổ chức đấu thầu lựa chọn đơn vị tư vấn theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

Trong quá trình xây dựng điều chỉnh kế hoạch phát triển nhà ở, Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan có liên quan của địa phương có trách nhiệm phối hợp với Sở Xây dựng, đơn vị tư vấn để tổ chức khảo sát; tổng hợp, cung cấp số liệu; xây dựng điều chỉnh kế hoạch phát triển nhà ở. Trường hợp trong nội dung điều chỉnh kế hoạch phát triển nhà ở có điều chỉnh tăng vốn đầu tư công để phát triển nhà ở thì Ủy ban nhân dân Thành phố phải báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định điều chỉnh vốn theo quy định của pháp luật về đầu tư công trước khi điều chỉnh kế hoạch.

Bước 4: Xây dựng dự thảo điều chỉnh kế hoạch phát triển nhà ở và tổ chức lấy ý kiến của các cơ quan, tổ chức có liên quan.

Sau khi hoàn thành dự thảo điều chỉnh kế hoạch phát triển nhà ở, Sở Xây dựng phải gửi văn bản lấy ý kiến của các cơ quan, tổ chức quy định tại điểm c khoản 1 Điều 11 Nghị định số 95/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 của Chính phủ.

Trong thời hạn tối đa 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến của Sở Xây dựng, các cơ quan được lấy ý kiến phải gửi văn bản trả lời cho Sở Xây dựng.

Bước 5: Hoàn thiện nội dung dự thảo điều chỉnh kế hoạch phát triển nhà ở, lập tờ trình gửi Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét phê duyệt điều chỉnh kế hoạch phát triển nhà ở Thành phố và công bố điều chỉnh Kế hoạch phát triển nhà ở.

Trong thời hạn tối đa 30 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản góp ý, Sở Xây dựng phối hợp cùng đơn vị tư vấn *(Trường hợp thuê đơn vị tư vấn thực hiện)* hoàn thiện nội dung dự thảo điều chỉnh kế hoạch phát triển nhà ở, lập tờ trình gửi Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét phê duyệt.

Bước 6: Phê duyệt và đăng tải điều chỉnh kế hoạch phát triển nhà ở Thành phố.

Trong thời hạn tối đa 15 ngày, kể từ ngày nhận được tờ trình của Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, phê duyệt điều chỉnh kế hoạch phát triển nhà ở.

Trong thời hạn tối đa 05 ngày làm việc, kể từ ngày ban hành quyết định phê duyệt điều chỉnh kế hoạch phát triển nhà ở, Ủy ban nhân dân Thành phố phải đăng tải công khai điều chỉnh kế hoạch phát triển nhà ở trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân Thành phố, đồng thời gửi cho Sở Xây dựng để đăng tải công khai trên trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan này và gửi về Bộ Xây dựng để theo dõi việc thực hiện.

b) Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ trực tiếp tại Sở Xây dựng hoặc qua đường bưu chính công ích.

c) Thành phần hồ sơ:

- Tờ trình đề xuất Ủy ban nhân dân Thành phố điều chỉnh kế hoạch phát triển nhà ở Thành phố;

- Đề cương xây dựng điều chỉnh kế hoạch phát triển nhà ở Thành phố;

- Dự toán kinh phí điều chỉnh kế hoạch phát triển nhà ở, tiến độ và phương thức tự thực hiện hoặc thuê đơn vị tư vấn có kinh nghiệm về việc xây dựng chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở;

- Dự thảo Văn bản của Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, phê duyệt đề xuất điều chỉnh kế hoạch phát triển nhà ở Thành phố.

- Văn bản của Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt đề xuất điều chỉnh kế hoạch phát triển nhà ở Thành phố.

- Văn bản của Sở Xây dựng về khảo sát, thu thập thông tin từ Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan có liên quan của địa phương;

- Văn bản của Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan có liên quan của địa phương tổng hợp, cung cấp số liệu gửi Sở Xây dựng, đơn vị tư vấn để xây dựng điều chỉnh kế hoạch phát triển nhà ở.

- Dự thảo điều chỉnh kế hoạch phát triển nhà ở Thành phố;

- Văn bản của Sở Xây dựng đề nghị Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan có liên quan của địa phương ở bước 3 có ý kiến đối với dự thảo điều chỉnh kế hoạch phát triển nhà ở Thành phố.

- Văn bản của Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan có liên quan được lấy ý kiến góp ý đối với dự thảo điều chỉnh kế hoạch phát triển nhà ở Thành phố.

- Điều chỉnh Kế hoạch phát triển nhà ở Thành phố;

- Tờ trình của Sở Xây dựng gửi Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét phê duyệt điều chỉnh kế hoạch phát triển nhà ở Thành phố;

- Dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt điều chỉnh Kế hoạch phát triển nhà ở Thành phố.

- Quyết định phê duyệt kế hoạch phát triển nhà ở Thành phố của Ủy ban nhân dân Thành phố.

d) Thời hạn giải quyết:

Tối đa là 06 tháng, kể từ khi có một trong các căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 28 của Luật Nhà ở.

e) Đối tượng thực hiện TTHC:

Sở Xây dựng, Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Ủy ban nhân dân Thành phố, Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan có liên quan.

f) Cơ quan giải quyết TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân Thành phố.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân Thành phố, Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Ủy ban nhân dân cấp xã, các Sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan.

- Cơ quan phối hợp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân Thành phố, Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Ủy ban nhân dân cấp xã, các Sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan, đơn vị tư vấn (*trong trường hợp thuê đơn vị tư vấn*).

g) Kết quả thực hiện TTHC:

Quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt điều chỉnh Kế hoạch phát triển nhà ở Thành phố.

h) Phí, lệ phí: Không có quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không có quy định.

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

Có điều chỉnh nội dung chương trình phát triển nhà ở đã được Thành phố phê duyệt; có điều chỉnh nội dung liên quan đến nhà ở trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội Thành phố đã được quyết định (khoản 3 Điều 28 Luật Nhà ở);

Trường hợp sau khi kế hoạch cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư đã được phê duyệt mà xuất hiện nhà chung cư thuộc trường hợp phải phá dỡ hoặc chương trình phát triển nhà ở Thành phố có điều chỉnh nội dung liên quan đến kế hoạch cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư đã được phê duyệt thì Ủy ban nhân dân Thành phố thực hiện điều chỉnh kế hoạch, nếu kế hoạch cải tạo xây dựng lại nhà chung cư được xây dựng, phê duyệt chung với kế hoạch phát triển nhà ở Thành phố (khoản 4 Điều 65 Luật Nhà ở).

k) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Nhà ở số 27/2023/QH15 ngày 27/11/2023;

- Khoản 2 Điều 11 Nghị định số 95/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở.

C. Thủ tục hành chính nội bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Xây dựng

I. Lĩnh vực Giao thông vận tải

22. Quyết định tần suất khảo sát luồng đường thủy nội địa địa phương

a) Trình tự thực hiện:

Căn cứ các quy định tại khoản 1, khoản 4 Điều 6 Thông tư số 36/2021/TT-BGTVT ngày 22 tháng 12 năm 2021 của Bộ Giao thông vận tải xây dựng tiêu chí xác định tần suất khảo sát luồng định kỳ đối với luồng đường thủy nội địa địa phương.

- Bước 1: Trung tâm Quản lý đường thủy căn cứ thực tế và kết quả công trình "Khảo sát luồng đường thủy nội địa phục vụ công tác quản lý và công bố luồng" chủ trì xây dựng tiêu chí đánh giá trên cơ sở tiêu chí quy định tại khoản 1 Điều 6 Thông tư số 36/2021/TT-BGTVT ngày 22 tháng 12 năm 2021.

- Bước 2: Phòng Quản lý đường thủy tổng hợp, rà soát tiêu chí xác định tần suất khảo sát luồng định kỳ đối với luồng đường thủy nội địa địa phương.

- Bước 3: Sở Xây dựng tham mưu trình Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quyết định tần suất khảo sát luồng định kỳ đối với luồng đường thủy nội địa địa phương (theo hình thức Quyết định cá biệt).

- Bước 4: Ủy ban nhân dân Thành phố Quyết định tần suất khảo sát định kỳ luồng đường thủy nội địa địa phương.

b) Cách thức thực hiện: Qua hệ thống liên thông trực tuyến của Sở Xây dựng.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: Không quy định.

d) Thời hạn giải quyết: Không quy định.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Trung tâm Quản lý đường thủy.

f) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân Thành phố.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Xây dựng.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định Công bố danh mục tần suất khảo sát định kỳ luồng đường thủy nội địa địa phương.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa;

- Thông tư số 36/2021/TT-BGTVT ngày 22 tháng 12 năm 2021 của Bộ Giao thông vận tải quy định công tác khảo sát luồng đường thủy nội địa;

- Thông tư số 10/2023/TT-BGTVT ngày 22 tháng 6 năm 2023 của Bộ Giao thông vận tải ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật quản lý, bảo trì đường thủy nội địa.

II. Lĩnh vực Đường thủy nội địa

23. Công bố đóng khu neo đậu vì lý do bảo đảm quốc phòng, an ninh

a) Trình tự thực hiện:

Trên cơ sở văn bản đề nghị của Bộ Quốc phòng hoặc Bộ Công an, Sở Xây dựng ra văn bản đóng khu neo đậu đối với trường hợp vì lý do bảo đảm quốc phòng, an ninh. Thời gian đóng khu neo đậu theo đề nghị của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an.

b) Cách thức thực hiện: Không quy định.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Văn bản của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an.

- Số lượng hồ sơ: Không quy định.

d) Thời hạn giải quyết: Không quy định.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Bộ Quốc phòng, Bộ Công an.

f) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Xây dựng.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản đóng khu neo đậu.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không có.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không có.

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không có.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Giao thông đường thủy nội địa số 23/2004/QH11 ngày 15/6/2004 đã được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 48/2014/QH13 ngày 17/06/2014;

- Thông tư số 21/2026/TT-BXD ngày 15/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về quản lý kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa;

- Thông tư số 54/2026/TT-BXD ngày 01/7/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 20/2026/TT-BXD ngày 15/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về quản lý nhà nước chuyên ngành tại cảng thủy nội địa, bến thủy nội địa, khu neo đậu và quản lý hoạt động hoa tiêu đường thủy nội địa và Thông tư số 21/2026/TT-BXD ngày 15/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về quản lý kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa.

III. Lĩnh vực Đường bộ

24. Giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ

a) Trình tự thực hiện: Căn cứ Điều 5 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2024.

- Bước 1: Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý đang quản lý hoặc tạm quản lý (bao gồm cả trường hợp tài sản được đầu tư theo phương thức đối tác công tư do nhà đầu tư chuyển giao cho Nhà nước theo quy định mà không phải thực hiện thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản) lập hồ sơ đề nghị giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ gửi Sở Xây dựng.

- Bước 2: Trong thời hạn 30 ngày, Sở Xây dựng chủ trì, lập hồ sơ đề nghị giao tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bước 3: Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xem xét, quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị giao tài sản chưa phù hợp.

b) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp hoặc gián tiếp qua đường văn thư, hệ thống quản lý văn bản liên thông của Thành phố. c) Thành phần, số lượng hồ sơ: Căn cứ Khoản 2, Khoản 3 Điều 7 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2024:

- Văn bản của Sở Xây dựng về việc giao tài sản: 01 bản chính.

- Biên bản họp liên ngành hoặc ý kiến bằng văn bản về việc giao tài sản của: Cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp đang quản lý hoặc tạm quản lý tài sản và cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp đó; cơ quan dự kiến được giao quản lý tài sản (trong trường hợp dự kiến giao cho cơ quan quản lý đường bộ cấp xã, cơ quan quản lý đường bộ cấp xã): 01 bản chính.

- Danh mục tài sản đề nghị giao (tên tài sản; địa chỉ; loại/cấp/hạng; năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (số lượng/chiều dài/diện tích...); nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có); tình trạng sử dụng của tài sản) do Sở Xây dựng lập: 01 bản chính.

- Hồ sơ pháp lý về tài sản (Quyết định giao/điều chuyển tài sản, Biên bản bàn giao, tiếp nhận tài sản hoặc các giấy tờ, tài liệu khác chứng minh quyền quản lý, sử dụng, tạm quản lý tài sản (nếu có)): 01 bản sao.

- Giấy tờ khác có liên quan (nếu có): 01 bản sao.

d) Thời hạn giải quyết:

- Không có quy định cụ thể đối với Sở Xây dựng, đề xuất thời gian giải quyết là trong thời gian 30 ngày.

- Thời gian giải quyết của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: trong thời gian 30 ngày (Căn cứ Khoản 3 Điều 7 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2024).

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

f) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Sở Giao thông công chánh (Căn cứ Khoản 1 Điều 7 Nghị định số 44/2024/NĐCP ngày 24 tháng 4 năm 2024).

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ hoặc văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị giao tài sản chưa phù hợp.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không có.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không có.

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24/4/2024 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

25. Phê duyệt Đề án chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ

25.1. Đối với tài sản do cơ quan quản lý tài sản cấp tỉnh quản lý:

a) Trình tự thực hiện: Căn cứ Mục a Khoản 4 Điều 13 Nghị định số 44/2024/NĐCP ngày 24 tháng 4 năm 2024.

- Bước 1: Sở Xây dựng lập hồ sơ đề nghị phê duyệt Đề án chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bước 2: Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xem xét, phê duyệt Đề án chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp Đề án chưa phù hợp.

b) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp hoặc gián tiếp qua đường văn thư, hệ thống quản lý văn bản liên thông của Thành phố.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: Căn cứ Mục a Khoản 4 Điều 13 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2024.

- Tờ trình của Sở Giao thông công chánh về việc đề nghị phê duyệt Đề án: 01 bản chính;

- Đề án khai thác tài sản do Sở Giao thông công chánh lập theo Mẫu số 02B tại Phụ lục: 01 bản chính;

- Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): 01 bản chính;

- Ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): 01 bản sao;

- Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

d) Thời hạn giải quyết: 30 ngày làm việc (Căn cứ Mục c Khoản 4 Điều 13 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2024).

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Xây dựng.

f) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (Căn cứ Mục b Khoản 5 Điều 14 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2024).

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt Đề án chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản hoặc văn bản hồi đáp trong trường hợp Đề án chưa phù hợp.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không có.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đề án khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo Mẫu số 02B tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 44/2024/NĐ-CP.

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2024 của Chính phủ về quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

25.2. Đối với tài sản do cơ quan quản lý tài sản cấp xã quản lý:

a) Trình tự thực hiện: Căn cứ Mục b Khoản 4 Điều 13 Nghị định số 44/2024/NĐCP ngày 24 tháng 4 năm 2024.

- Bước 1: Cơ quan quản lý tài sản lập hồ sơ đề nghị phê duyệt Đề án chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã để tổng hợp, có ý kiến gửi Sở Xây dựng.

- Bước 2: Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định, Ủy ban nhân dân cấp xã tổng hợp, có ý kiến gửi Sở Xây dựng.

- Bước 3: Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định, Sở Xây dựng trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, phê duyệt Đề án.

- Bước 4: Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xem xét, phê duyệt Đề án chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp Đề án chưa phù hợp.

b) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp hoặc gián tiếp qua đường văn thư, hệ thống quản lý văn bản liên thông của Thành phố.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

c.1) Cơ quan quản lý tài sản cấp xã lập hồ sơ đề nghị phê duyệt Đề án chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản (Căn cứ Điểm b1 Mục b Khoản 4 Điều 13 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2024). Hồ sơ gồm:

- Tờ trình của cơ quan quản lý tài sản về việc đề nghị phê duyệt Đề án: 01 bản chính;

- Đề án khai thác tài sản do cơ quan quản lý tài sản lập theo Mẫu số 02B tại Phụ lục: 01 bản chính;

- Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): 01 bản chính;

- Ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): 01 bản sao;

- Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

c.2) Ủy ban nhân dân cấp xã, tổng hợp, có ý kiến gửi Sở Xây dựng (Căn cứ Điểm b3 Mục b Khoản 4 Điều 13 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2024). Hồ sơ gồm:

- Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp xã về việc đề nghị phê duyệt Đề án: 01 bản chính;

- Đề án khai thác tài sản do cơ quan quản lý tài sản lập theo Mẫu số 02B tại Phụ lục sau khi được hoàn thiện: 01 bản chính;

- Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): 01 bản chính;

- Ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): 01 bản sao;

- Hồ sơ quy định tại Điểm c.1 này: 01 bản sao.

c.3) Sở Xây dựng trình Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xem xét, phê duyệt Đề án chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản (Căn cứ Điểm b3 Mục b Khoản 4 Điều 13 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2024). Hồ sơ gồm:

- Tờ trình của Sở Xây dựng về việc đề nghị phê duyệt Đề án: 01 bản chính;

- Đề án khai thác tài sản do Sở Xây dựng lập theo Mẫu số 02B tại Phụ lục sau khi được hoàn thiện: 01 bản chính;

- Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): 01 bản chính; - Ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): 01 bản sao;

- Hồ sơ quy định tại Điểm c.2 này: 01 bản sao.

d) Thời hạn giải quyết:

- Thời gian giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã: 30 ngày làm việc (Căn cứ Mục b Khoản 4 Điều 13 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2024).

- Thời gian giải quyết của Sở Xây dựng: 30 ngày làm việc (Căn cứ Mục b Khoản 4 Điều 13 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2024).

- Thời gian giải quyết của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: 30 ngày làm việc (Căn cứ Mục c Khoản 4 Điều 13 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2024).

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan quản lý tài sản cấp huyện, cấp xã.

f) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp xã, Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (Căn cứ Mục b Khoản 4 Điều 13 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2024).

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt Đề án hoặc văn bản hồi đáp trong trường hợp Đề án chưa phù hợp.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không có.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đề án khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo Mẫu số 02B tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 44/2024/NĐ-CP.

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2024 của Chính phủ về quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

26. Phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ

26.1. Đối với tài sản do cơ quan quản lý tài sản cấp tỉnh quản lý:

a) Trình tự thực hiện: Căn cứ Mục a Khoản 4 Điều 13 Nghị định số 44/2024/NĐCP ngày 24 tháng 4 năm 2024.

- Bước 1: Sở Xây dựng lập hồ sơ đề nghị phê duyệt Đề án Cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bước 2: Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xem xét, phê duyệt Đề án Cho thuê quyền khai thác tài sản hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp Đề án chưa phù hợp.

b) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp hoặc gián tiếp qua đường văn thư, hệ thống quản lý văn bản liên thông của Thành phố.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: Căn cứ Mục a Khoản 4 Điều 13 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2024.

- Tờ trình của Sở Xây dựng về việc đề nghị phê duyệt Đề án: 01 bản chính;

- Đề án khai thác tài sản do Sở Xây dựng lập theo Mẫu số 02C tại Phụ lục: 01 bản chính;

- Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): 01 bản chính;

- Ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): 01 bản sao;

- Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

d) Thời hạn giải quyết: 30 ngày làm việc (Căn cứ Mục c Khoản 4 Điều 13 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2024).

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Xây dựng.

f) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (Căn cứ Mục b, Khoản 5 Điều 14 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2024)

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt Đề án Cho thuê quyền khai thác tài sản hoặc văn bản hồi đáp trong trường hợp Đề án chưa phù hợp.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không có.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đề án khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo Mẫu số 02C tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 44/2024/NĐ-CP.

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2024 của Chính phủ về quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

26.2. Đối với tài sản do cơ quan quản lý tài sản cấp xã quản lý:

a) Trình tự thực hiện: Căn cứ Mục b, khoản 4 Điều 13 Nghị định số 44/2024/NĐ-14 CP ngày 24 tháng 4 năm 2024.

- Bước 1: Cơ quan quản lý tài sản lập hồ sơ đề nghị phê duyệt Đề án Cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã để tổng hợp, có ý kiến gửi Sở Xây dựng.

- Bước 2: Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định, Ủy ban nhân dân cấp xã tổng hợp, có ý kiến gửi Sở Xây dựng.

- Bước 3: Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định, Sở Xây dựng trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, phê duyệt Đề án.

- Bước 4: Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xem xét, phê duyệt Đề án Cho thuê quyền khai thác tài sản hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp Đề án chưa phù hợp.

b) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp hoặc gián tiếp qua đường văn thư, hệ thống quản lý văn bản liên thông của Thành phố.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

c.1) Cơ quan quản lý tài sản cấp cấp xã lập hồ sơ đề nghị phê duyệt Đề án Cho thuê quyền khai thác tài sản (Căn cứ Điểm b1 Mục b Khoản 4 Điều 13 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2024). Hồ sơ gồm:

- Tờ trình của cơ quan quản lý tài sản về việc đề nghị phê duyệt Đề án: 01 bản chính;

- Đề án khai thác tài sản do cơ quan quản lý tài sản lập theo Mẫu số 02C tại Phụ lục: 01 bản chính;

- Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): 01 bản chính;

- Ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): 01 bản sao;

- Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

c.2) Ủy ban nhân dân cấp xã, tổng hợp, có ý kiến gửi cơ quan quản lý đường bộ cấp tỉnh (Căn cứ Điểm b3 Mục b Khoản 4 Điều 13 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2024). Hồ sơ gồm:

- Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp xã về việc đề nghị phê duyệt Đề án: 01 bản chính;

- Đề án khai thác tài sản do cơ quan quản lý tài sản lập theo Mẫu số 02C tại Phụ lục sau khi được hoàn thiện: 01 bản chính;

- Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): 01 bản chính;

- Ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): 01 bản sao;

- Hồ sơ quy định tại Điểm c.1 này: 01 bản sao.

c.3) Sở Xây dựng trình Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xem xét, phê duyệt Đề án Cho thuê quyền khai thác tài sản (Căn cứ Điểm b3 Mục b Khoản 4 Điều 13 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2024). Hồ sơ gồm:

- Tờ trình của Sở Xây dựng về việc đề nghị phê duyệt Đề án: 01 bản chính;

- Đề án khai thác tài sản do Sở Xây dựng lập theo Mẫu số 02C tại Phụ lục sau khi được hoàn thiện: 01 bản chính;

- Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): 01 bản chính;

- Ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): 01 bản sao;

- Hồ sơ quy định tại ngạch đầu dòng thứ hai điểm c mục 4.2 này: 01 bản sao.

d) Thời hạn giải quyết:

- Thời gian giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã: 30 ngày làm việc (Căn cứ Mục b Khoản 4 Điều 13 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2024).

- Thời gian giải quyết của Sở Xây dựng: 30 ngày làm việc (Căn cứ Mục b Khoản 4 Điều 13 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2024).

- Thời gian giải quyết của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: 30 ngày làm việc (Căn cứ Mục c Khoản 4 Điều 13 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2024).

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan quản lý tài sản cấp xã.

f) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp xã, Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (Căn cứ Mục b Khoản 4 Điều 13 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2024).

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt Đề án hoặc văn bản hồi đáp trong trường hợp Đề án chưa phù hợp.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không có.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đề án khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo Mẫu số 02C tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 44/2024/NĐ-CP.

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2024 của Chính phủ về quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

27. Phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ

27.1. Đối với tài sản do cơ quan quản lý tài sản cấp tỉnh quản lý

a) Trình tự thực hiện: Căn cứ Mục a Khoản 4 Điều 13 Nghị định số 44/2024/NĐCP ngày 24 tháng 4 năm 2024.

- Bước 1: Sở Xây dựng lập hồ sơ đề nghị phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bước 2: Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xem xét, phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp Đề án chưa phù hợp.

b) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp hoặc gián tiếp qua đường văn thư, hệ thống quản lý văn bản liên thông của Thành phố.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: Căn cứ Mục a Khoản 4 Điều 13 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2024.

- Tờ trình của Sở Xây dựng về việc đề nghị phê duyệt Đề án: 01 bản chính;

- Đề án khai thác tài sản do Sở Xây dựng lập theo Mẫu số 02D tại Phụ lục: 01 bản chính;

- Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): 01 bản chính;

- Ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): 01 bản sao;

- Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

d) Thời hạn giải quyết: 30 ngày làm việc (Căn cứ Mục c Khoản 4 Điều 13 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2024).

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Xây dựng.

f) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (Căn cứ Mục b Khoản 5 Điều 14 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2024).

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản hoặc văn bản hồi đáp trong trường hợp Đề án chưa phù hợp.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không có.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đề án khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo Mẫu số 02D tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 44/2024/NĐ-CP.

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2024 của Chính phủ về quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

27.2. Đối với tài sản do cơ quan quản lý tài sản cấp xã quản lý:

a) Trình tự thực hiện: Căn cứ Mục b, khoản 4 Điều 13 Nghị định số 44/2024/NĐCP ngày 24 tháng 4 năm 2024.

- Bước 1: Cơ quan quản lý tài sản lập hồ sơ đề nghị phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã để tổng hợp, có ý kiến gửi Sở Xây dựng.

- Bước 2: Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định, Ủy ban nhân dân cấp xã tổng hợp, có ý kiến gửi Sở Xây dựng.

- Bước 3: Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định, Sở Xây dựng trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, phê duyệt Đề án.

- Bước 4: Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xem xét, phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp Đề án chưa phù hợp.

b) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp hoặc gián tiếp qua đường văn thư, hệ thống quản lý văn bản liên thông của Thành phố.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

c.1) Cơ quan quản lý tài sản cấp xã lập hồ sơ đề nghị phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã (Căn cứ Điểm b1 Mục b Khoản 4 Điều 13 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2024). Hồ sơ gồm:

- Tờ trình của cơ quan quản lý tài sản về việc đề nghị phê duyệt Đề án: 01 bản chính;

- Đề án khai thác tài sản do cơ quan quản lý tài sản lập theo Mẫu số 02D tại Phụ lục đính kèm: 01 bản chính;

- Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): 01 bản chính;

- Ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): 01 bản sao;

- Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

c.2) Ủy ban nhân dân cấp xã, tổng hợp, có ý kiến gửi Sở Xây dựng (Căn cứ Điểm b3 Mục b Khoản 4 Điều 13 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2024). Hồ sơ gồm:

- Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp xã về việc đề nghị phê duyệt Đề án: 01 bản chính; - Đề án khai thác tài sản do cơ quan quản lý tài sản lập theo Mẫu số 02D tại Phụ lục đính kèm sau khi được hoàn thiện: 01 bản chính;

- Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): 01 bản chính;

- Ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): 01 bản sao;

- Hồ sơ quy định tại Điểm c.1 này: 01 bản sao.

c.3) Sở Xây dựng trình Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xem xét, phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản (Căn cứ Điểm b3 Mục b Khoản 4 Điều 13 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2024). Hồ sơ gồm:

- Tờ trình của Sở Xây dựng về việc đề nghị phê duyệt Đề án: 01 bản chính;

- Đề án khai thác tài sản do Sở Xây dựng lập theo Mẫu số 02D tại Phụ lục đính kèm sau khi được hoàn thiện: 01 bản chính;

- Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): 01 bản chính;

- Ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): 01 bản sao;

- Hồ sơ quy định tại Điểm c.2 này: 01 bản sao.

d) Thời hạn giải quyết:

- Thời gian giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã: 30 ngày làm việc (Căn cứ Mục b Khoản 4 Điều 13 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2024).

- Thời gian giải quyết của Sở Xây dựng: 30 ngày làm việc (Căn cứ Mục b Khoản 4 Điều 13 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2024).

- Thời gian giải quyết của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: 30 ngày làm việc (Căn cứ Mục c Khoản 4 Điều 13 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2024).

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan quản lý tài sản cấp xã.

f) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp xã, Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (Căn cứ Mục b Khoản 4 Điều 13 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2024).

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt Đề án hoặc văn bản hồi đáp trong trường hợp Đề án chưa phù hợp.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không có.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đề án khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo Mẫu số 02D tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 44/2024/NĐ-CP.

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2024 của Chính phủ về quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

28. Thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ

a) Trình tự thực hiện: Căn cứ Khoản 4 Điều 21 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2024.

- Bước 1: Cơ quan quản lý tài sản lập hồ sơ đề nghị thu hồi tài sản, báo cáo cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) để trình Sở Xây dựng.

- Bước 2: Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định, Sở Xây dựng trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, phê duyệt thu hồi tài sản.

- Bước 3: Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xem xét, quyết định thu hồi tài sản hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị thu hồi tài sản chưa phù hợp.

b) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp hoặc gián tiếp qua đường văn thư, hệ thống quản lý văn bản liên thông của Thành phố.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: Căn cứ Khoản 4 Điều 21 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2024.

- Văn bản của cơ quan quản lý tài sản về việc đề nghị thu hồi tài sản: 01 bản chính;
- Văn bản của cơ quan quản lý cấp trên của cơ quan quản lý tài sản (nếu có): 01 bản chính;

- Văn bản của Sở Xây dựng (trong trường hợp tài sản do cơ quan quản lý tài sản cấp xã quản lý) về việc đề nghị thu hồi tài sản: 01 bản chính;

- Phương án đầu tư bổ sung vốn điều lệ bằng giá trị tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ được cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt theo quy định (trong trường hợp thu hồi theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều Điều 21 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP.

- Danh mục tài sản đề nghị thu hồi theo Mẫu số 01C tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 44/2024/NĐ-CP: 01 bản chính;

- Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

d) Thời hạn giải quyết:

- Không có quy định cụ thể đối với Sở Xây dựng, đề xuất thời gian giải quyết là trong thời gian 30 ngày.

- Thời gian giải quyết của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: trong thời gian 30 ngày (Căn cứ Điểm b Khoản 4 Điều 21 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2024).

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan quản lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

f) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Sở Xây dựng (Căn cứ Điểm c Khoản 2 Điều 21 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2024).

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ hoặc văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị thu hồi tài sản chưa phù hợp.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không có.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không có.

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Căn cứ Khoản 1 Điều 21 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2024, tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ bị thu hồi trong các trường hợp sau đây:

- Khi có sự thay đổi về quy hoạch, phân cấp quản lý.

- Tài sản đã được giao nhưng không còn nhu cầu sử dụng làm tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

- Tài sản được giao không đúng đối tượng, sử dụng sai mục đích, cho mượn tài sản.

- Khi có phương án đầu tư bổ sung vốn điều lệ tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ bằng giá trị tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ được cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt theo quy định.

- Trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2024 của Chính phủ về quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

29. Điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ

a) Trình tự thực hiện: Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 22 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP.

- Bước 1: Cơ quan quản lý tài sản lập hồ sơ đề nghị điều chuyển tài sản, báo cáo cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) để trình Sở Xây dựng.

- Bước 2: Trong thời gian 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định, Sở Xây dựng trình Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xem xét, quyết định về việc điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

- Bước 3: Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xem xét, quyết định điều chuyển tài sản đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị điều chuyển tài sản chưa phù hợp.

- Bước 4: Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có Quyết định điều chuyển tài sản của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, cơ quan có tài sản điều chuyển và cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận tài sản có trách nhiệm tổ chức bàn giao, tiếp nhận tài sản.

b) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp hoặc gián tiếp qua đường văn thư, hệ thống quản lý văn bản liên thông của Thành phố.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

c.1) Cơ quan quản lý tài sản lập hồ sơ đề nghị điều chuyển tài sản. Hồ sơ đề nghị gồm:

- Văn bản của cơ quan quản lý tài sản về việc đề nghị điều chuyển tài sản: 01 bản chính;

- Văn bản của cơ quan quản lý cấp trên của cơ quan quản lý tài sản (nếu có) về việc đề nghị điều chuyển tài sản: 01 bản chính;

- Văn bản của Sở Xây dựng (trong trường hợp tài sản do cơ quan quản lý tài sản cấp huyện hoặc cơ quan quản lý tài sản cấp xã quản lý) về việc đề nghị điều chuyển tài sản: 01 bản chính;

- Văn bản của cơ quan, tổ chức, đơn vị và cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, tổ chức, đơn vị đó về việc đề nghị được tiếp nhận tài sản: 01 bản chính. Trường hợp việc điều chuyển tài sản do thay đổi về cơ quan quản lý, phân cấp quản lý, phân loại đường bộ thì không bắt buộc phải có văn bản đề nghị được tiếp nhận tài sản của cơ quan tiếp nhận tài sản;

- Phương án đầu tư bổ sung vốn điều lệ tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ bằng giá trị tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ được cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt theo quy định (trong trường hợp điều chuyển theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều này): 01 bản sao;

- Danh mục tài sản đề nghị điều chuyển theo Mẫu số 01C tại Phụ lục kèm theo Nghị định này do cơ quan quản lý tài sản lập: 01 bản chính;

- Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

c.2) Cơ quan có tài sản điều chuyển và cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận tài sản có trách nhiệm tổ chức bàn giao, tiếp nhận tài sản. Việc bàn giao, tiếp nhận tài sản phải được lập thành Biên bản theo Mẫu số 01 quy định tại Phụ lục đính kèm.

d) Thời hạn giải quyết:

- Không có quy định cụ thể đối với Sở Xây dựng, đề xuất thời gian giải quyết là trong thời gian 30 ngày.

- Thời gian giải quyết của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: trong thời hạn 30 ngày (Căn cứ Mục b Khoản 3 Điều 22 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2024).

- Thời gian điều chuyển tài sản và tiếp nhận tài sản khi có Quyết định điều chuyển tài sản: trong thời hạn 30 ngày (Căn cứ Mục d Khoản 3 Điều 22 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2024) e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan quản lý tài sản.

f) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân Thành phố, Sở Xây dựng (Căn cứ Mục d Khoản 2 Điều 22 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2024).

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định điều chuyển tài sản đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị điều chuyển tài sản chưa phù hợp.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không có.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Mẫu số 01: Biên bản việc bàn giao, tiếp nhận vật liệu, vật tư điều chuyển theo Mẫu số 01 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 44/2024/NĐ-CP

- Mẫu số 02: Danh mục tài sản đề nghị thanh lý theo Mẫu số 01C tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 44/2024/NĐ-CP.

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2024 của Chính phủ về quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

30. Chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ về địa phương quản lý, xử lý

a) Trình tự thực hiện: Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 23 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP.

- Bước 1: Cơ quan quản lý tài sản lập hồ sơ đề nghị chuyển giao tài sản, báo cáo cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) để trình Sở Xây dựng.

- Bước 2: Trong thời gian 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định, Sở Xây dựng trình Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xem xét, quyết định xem xét, quyết định về việc chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

- Bước 3: Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xem xét, quyết định việc chuyển giao tài sản đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị chuyển giao tài sản chưa phù hợp.

- Bước 4:

+ Trường hợp 1: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày có Quyết định chuyển giao tài sản của Thủ tướng Chính phủ (nếu có), Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định tiếp nhận tài sản và giao nhiệm vụ tiếp nhận tài sản chuyển giao cho cơ quan chức năng của địa phương (Sở Xây dựng, Trung tâm phát triển quỹ đất, Phòng Quản lý đô thị hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã).

+ Trường hợp 2: Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có Quyết định tiếp nhận tài sản của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (đối với trường hợp 1 nêu trên), kể từ ngày có Quyết định chuyển giao tài sản (đối với trường hợp còn lại), cơ quan quản lý tài sản có tài sản chuyển giao (Bên giao) chủ trì, phối hợp với cơ quan được giao nhiệm vụ tiếp nhận tài sản (Bên nhận) tổ chức bàn giao, tiếp nhận tài sản.

b) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp hoặc gián tiếp qua đường văn thư, hệ thống quản lý văn bản liên thông của Thành phố.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

c.1) Cơ quan quản lý tài sản lập hồ sơ đề nghị chuyển giao tài sản. Hồ sơ đề nghị gồm:

- Văn bản của cơ quan quản lý tài sản về việc đề nghị chuyển giao tài sản về địa phương quản lý, xử lý: 01 bản chính;

- Văn bản của cơ quan quản lý cấp trên của cơ quan quản lý tài sản (nếu có) về việc đề nghị chuyển giao tài sản: 01 bản chính;

- Văn bản của Sở Xây dựng (trong trường hợp tài sản do cơ quan quản lý đường bộ cấp xã quản lý) về việc đề nghị chuyển giao tài sản: 01 bản chính;

- Ý kiến của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (nơi tiếp nhận tài sản) trong trường hợp tài sản do cơ quan quản lý tài sản ở trung ương quản lý: 01 bản chính;

- Danh mục tài sản đề nghị chuyển giao theo Mẫu số 01C tại Phụ lục đính kèm: 01 bản chính;

- Hồ sơ liên quan về lý do đề nghị chuyển giao tài sản (nếu có): 01 bản sao;

- Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

c.2) Cơ quan quản lý tài sản có tài sản chuyển giao (Bên giao) chủ trì, phối hợp với cơ quan được giao nhiệm vụ tiếp nhận tài sản (Bên nhận) tổ chức bàn giao, tiếp nhận tài sản. Việc bàn giao, tiếp nhận tài sản được lập thành Biên bản theo Mẫu số 01 quy định tại Phụ lục đính kèm.

d) Thời hạn giải quyết:

- Không có quy định cụ thể đối với Sở Xây dựng, đề xuất thời gian giải quyết là trong thời gian 30 ngày.

- Thời gian giải quyết của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: trong thời hạn 30 ngày (Căn cứ Mục b Khoản 3 Điều 22 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2024).

- Thời gian điều chuyển tài sản và tiếp nhận tài sản khi có Quyết định điều chuyển tài sản:

+ Trường hợp 01: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày có Quyết định chuyển giao tài sản của Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Xây dựng (Căn cứ Mục d Khoản 3 Điều 22 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2024).

+ Trường hợp 02: Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có Quyết định tiếp nhận tài sản của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (đối với trường hợp 01), kể từ ngày có Quyết định chuyển giao tài sản (đối với trường hợp còn lại) (Căn cứ Mục đ Khoản 3 Điều 22 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2024).

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan quản lý tài sản.

f) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân Thành phố (Căn cứ Mục b Khoản 4 Điều 23 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2024).

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định điều chuyển tài sản đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị điều chuyển tài sản chưa phù hợp.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không có.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Mẫu số 01: Biên bản việc bàn giao, tiếp nhận vật liệu, vật tư điều chuyển theo Mẫu số 01 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 44/2024/NĐ-CP

- Mẫu số 02: Danh mục tài sản đề nghị thanh lý theo Mẫu số 01C tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 44/2024/NĐ-CP.

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 23 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2024, việc chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ về địa phương quản lý, xử lý được thực hiện trong các trường hợp sau đây:

+ Tài sản đã được giao cho cơ quan quản lý tài sản nhưng không còn nhu cầu sử dụng làm tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ hoặc việc khai thác không hiệu quả.

+ Bị loại ra khỏi quy hoạch công trình kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

+ Trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

- Căn cứ Khoản 3 Điều 23 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2024, việc xử lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo hình thức chuyển giao 30 tài sản về địa phương quản lý, xử lý chỉ áp dụng trong trường hợp không tiếp tục sử dụng tài sản đó cho mục đích làm tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2024 của Chính phủ về quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

31. Thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ

31.1. Thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ không thuộc dự án đầu tư xây dựng.

a) Trình tự thực hiện: Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 24 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP.

- Bước 1: Cơ quan quản lý tài sản lập hồ sơ đề nghị thanh lý tài sản, báo cáo cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) trình Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bước 2: Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xem xét, quyết định thanh lý tài sản hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị thanh lý tài sản chưa phù hợp.

- Bước 3: Căn cứ Quyết định thanh lý tài sản của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, cơ quan quản lý tài sản tổ chức thực hiện việc phá dỡ, hủy bỏ công trình thuộc tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và xử lý vật liệu, vật tư thu hồi.

b) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp hoặc gián tiếp qua đường văn thư, hệ thống quản lý văn bản liên thông của Thành phố.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Văn bản của cơ quan quản lý tài sản về việc đề nghị thanh lý tài sản: 01 bản chính;

- Văn bản của cơ quan quản lý cấp trên của cơ quan quản lý tài sản (nếu có) về việc đề nghị thanh lý tài sản: 01 bản chính;

- Danh mục tài sản đề nghị thanh lý theo Mẫu số 01C tại Phụ lục đính kèm: 01 bản chính; - Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

d) Thời hạn giải quyết:

e) Thời gian giải quyết của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: trong thời hạn 30 ngày (Căn cứ Mục b Khoản 4 Điều 24 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2024).

f) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan quản lý tài sản.

g) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân Thành phố (Căn cứ Mục b Khoản 4 Điều 23 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2024).

h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: quyết định thanh lý tài sản hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị thanh lý tài sản chưa phù hợp.

i) Phí, lệ phí (nếu có): Không có.

j) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không có.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: cơ quan, đơn vị tự sử dụng nguồn nhân lực, trang thiết bị của cơ quan, đơn vị.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2024 của Chính phủ về quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

31.2. Thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thuộc phạm vi thuộc dự án đầu tư xây dựng.

a) Trình tự thực hiện: Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 24 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP.

- Bước 1: Căn cứ quyết định phê duyệt dự án đầu tư của cơ quan, người có thẩm quyền có quy định về thanh lý tài sản, Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản phối hợp với chủ đầu tư dự án, đơn vị liên quan thực hiện thanh lý tài sản theo quyết định của dự án và theo quy định của Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

- Bước 2: Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản xử lý vật liệu, vật tư thu hồi (nếu có) theo trình tự tại Bước 4 điểm 1.1 Mục 1 (trừ trường hợp giá trị vật liệu, vật tư thu hồi đã được tính trừ trong gói thầu của dự án).

- Bước 3: Cơ quan quản lý tài sản thực hiện kế toán giảm tài sản theo quy định của pháp luật về kế toán, báo cáo kê khai biến động tài sản theo quy định.

b) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp hoặc gián tiếp qua đường văn thư, hệ thống quản lý văn bản liên thông của Thành phố.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: Quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng của cơ quan, người có thẩm quyền có quy định về thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông cũ.

d) Thời hạn giải quyết: (không quy định) Thực hiện theo tiến độ thi công của gói thầu của dự án.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Đơn vị thuộc Sở Xây dựng, Sở Xây dựng; chủ đầu tư và đơn vị liên quan tham gia dự án có thanh lý tài sản.

f) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân Thành phố, Sở Xây dựng, cơ quan, đơn vị thuộc Sở Xây dựng được giao quản lý tài sản; chủ đầu tư và đơn vị liên quan tham gia dự án có thanh lý tài sản (Căn cứ khoản 6 Điều 24 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP, Điều 31 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung tại khoản 23 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP).

− Cơ quan có thẩm quyền quyết định dự án: Ủy ban nhân dân Thành phố.

− Cơ quan thực hiện thanh lý: Sở Xây dựng, cơ quan, đơn vị thuộc Sở Xây dựng được giao quản lý tài sản; chủ đầu tư và đơn vị liên quan tham gia dự án có thanh lý tài sản.

− Cơ quan quản lý tiền thu được từ xử lý vật tư, vật liệu thu hồi: Sở Tài chính, cơ quan, đơn vị thuộc Sở Xây dựng.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: không quy định. Văn bản của Sở Xây dựng yêu cầu chủ đầu tư dự án và đơn vị được giao quản lý tài sản trực tiếp thực hiện thanh lý tài sản.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không có.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Mẫu số 01: Danh mục tài sản đề nghị thanh lý theo Mẫu số 01C tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 44/2024/NĐ-CP.

- Mẫu số 03: Biên bản việc bàn giao, tiếp nhận vật liệu.

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: cơ quan, đơn vị tự sử dụng nguồn nhân lực, trang thiết bị của cơ quan, đơn vị.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

- Luật Đường bộ ngày 27 tháng 6 năm 2024;

- Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

- Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2024 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

- Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

- Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

- Thông tư số 74/2024/TT-BTC ngày 31 tháng 10 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ quản lý, tính hao mòn tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và hướng dẫn việc kê khai, báo cáo về tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;
- Quyết định số 67/2024/QĐ-UBND ngày 25 tháng 9 năm 2024 của Ủy ban nhân dân

Thành phố ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giao thông công chánh Thành phố Hồ Chí Minh.

31.3. Việc xử lý vật liệu, vật tư thu hồi (nếu có) từ việc phá dỡ, hủy bỏ công trình (Căn cứ quy định tại khoản 5 Điều 24 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP).

- Trường hợp 1: Giao vật liệu, vật tư thu hồi cho cơ quan quản lý tài sản (cơ quan có tài sản thanh lý) để sử dụng vào công tác bảo trì đối với vật liệu, vật tư còn sử dụng được: Căn cứ quyết định giao tài sản của Ủy ban nhân dân Thành phố, cơ quan quản lý tài sản tiếp nhận toàn bộ vật liệu, vật tư thu hồi đưa vào sử dụng từ việc phá dỡ, hủy bỏ công trình.

- Trường hợp 2: Điều chuyển cho cơ quan, tổ chức, đơn vị khác để quản lý, sử dụng

a) Trình tự thực hiện: Căn cứ quy định tại Mục b khoản 5 Điều 24 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP.

- Bước 1: Cơ quan quản lý tài sản (cơ quan có tài sản thanh lý) và cơ quan, tổ chức, đơn vị có nhu cầu tiếp nhận vật liệu, vật tư thu hồi có văn bản trình Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định điều chuyển cho cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

- Bước 2: Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xem xét, quyết định theo thẩm quyền hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị điều chuyển chưa phù hợp.

- Bước 3: Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có Quyết định điều chuyển vật liệu, vật tư thu hồi của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí, cơ quan có tài sản thanh lý và cơ quan tiếp nhận có trách nhiệm tổ chức bàn giao, tiếp nhận vật liệu, vật tư thu hồi. 36

b) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp hoặc gián tiếp qua đường văn thư, hệ thống quản lý văn bản liên thông của Thành phố.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

c.1) Hồ sơ đề nghị điều chuyển vật liệu, vật tư thu hồi gồm:

- Văn bản của cơ quan quản lý tài sản về việc đề nghị điều chuyển vật liệu, vật tư thu hồi từ việc thanh lý: 01 bản chính;

- Văn bản của cơ quan quản lý cấp trên của cơ quan quản lý tài sản (nếu có) về việc đề nghị điều chuyển vật liệu, vật tư thu hồi: 01 bản chính;

- Văn bản của cơ quan, tổ chức, đơn vị và cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, tổ chức, đơn vị đó về việc đề nghị được tiếp nhận vật liệu, vật tư thu hồi: 01 bản chính;

- Danh mục vật liệu, vật tư đề nghị điều chuyển (chủng loại, số lượng, tình trạng; mục đích sử dụng dự kiến sau khi nhận điều chuyển): 01 bản chính;

- Các hồ sơ khác có liên quan đến đề nghị điều chuyển vật liệu, vật tư thu hồi (nếu có): 01 bản sao.

c.2) Cơ quan có tài sản thanh lý và cơ quan tiếp nhận có trách nhiệm tổ chức bàn giao, tiếp nhận vật liệu, vật tư thu hồi: Việc bàn giao, tiếp nhận vật liệu, vật tư điều chuyển được lập thành Biên bản theo Mẫu số 01 tại Phụ lục đính kèm.

d) Thời hạn giải quyết:

- Thời gian giải quyết Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: trong thời hạn 30 ngày (Căn cứ Mục b2 Khoản 4 Điều 24 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2024).

- Thời gian bàn giao, tiếp nhận vật liệu, vật tư điều chuyển khi có Quyết định điều chuyển vật liệu, vật tư thu hồi: trong thời hạn 30 ngày (Căn cứ Mục b2 Khoản 4 Điều 24 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2024).

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan quản lý tài sản.

f) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Sở Xây dựng (Căn cứ Mục b2 Khoản 4 Điều 24 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2024).

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định điều chuyển vật liệu, vật tư thu hồi hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị thanh lý tài sản chưa phù hợp.
h) Phí, lệ phí (nếu có): Không có.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu số 02: Quyết định thanh lý (theo nội dung tại điểm c khoản 4 Điều 24 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP).

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2024 của Chính phủ về quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

- Trường hợp 3: Bán vật liệu, vật tư thu hồi không có nhu cầu sử dụng Thủ trưởng cơ quan quản lý tài sản quyết định việc bán vật liệu, vật tư không có nhu cầu sử dụng. Việc bán vật liệu, vật tư không có nhu cầu sử dụng thực hiện theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).

- Trường hợp 4: Hủy bỏ đối với vật liệu, vật tư không còn sử dụng được: Cơ quan quản lý tài sản tổ chức thực hiện việc hủy bỏ vật liệu, vật tư không còn sử dụng được.

32. Xử lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại

a) Trình tự thực hiện: Căn cứ Khoản 3 Điều 25 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2024.

- Bước 1: Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày phát hiện tài sản bị mất, bị hủy hoại, cơ quan quản lý tài sản có trách nhiệm xác định nguyên nhân (lý do) tài sản bị mất, bị hủy hoại và trách nhiệm của các tập thể, cá nhân có liên quan, lập hồ sơ đề nghị xử lý tài sản bị mất, bị hủy hoại, báo cáo cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) để trình Sở GTCC.

- Bước 2: Trong thời gian 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định, Sở Xây dựng trình Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xem xét, quyết định xem xét, quyết định xử lý.

- Bước 3: Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định, UBNDTP quyết định xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại.

- Bước 4: Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có Quyết định xử lý của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, cơ quan quản lý tài sản có trách nhiệm thực hiện ghi giảm tài sản theo quy định của pháp luật về kế toán, pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, Báo cáo kê khai biến động tài sản theo quy định, xử lý trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có liên quan theo quy định của pháp luật.

b) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp hoặc gián tiếp qua đường văn thư, hệ thống quản lý văn bản liên thông của Thành phố.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: Căn cứ Mục a Khoản 3 Điều 25 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2024.

- Văn bản của cơ quan quản lý tài sản về việc đề nghị xử lý tài sản (trong đó nêu rõ lý do (nguyên nhân) tài sản bị mất, bị hủy hoại): 01 bản chính;

- Văn bản của cơ quan quản lý cấp trên của cơ quan quản lý tài sản (nếu có) về việc đề nghị xử lý tài sản: 01 bản chính;

- Biên bản xác định tài sản bị mất, bị hủy hoại: 01 bản chính;

- Danh mục tài sản bị mất, bị hủy hoại theo Mẫu số 01C tại Phụ lục kèm theo Nghị định này: 01 bản chính;

- Hồ sơ chứng minh việc tài sản bị mất, bị hủy hoại: 01 bản sao.

d) Thời hạn giải quyết: trong thời gian 30 ngày (Căn cứ Mục b Khoản 3 Điều 25 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2024).

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan quản lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

f) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Sở Giao thông vận tải (Căn cứ Mục b Khoản 2 Điều 25 Nghị định số 44/2024/NĐCP ngày 24 tháng 4 năm 2024).

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không có.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Danh mục tài sản đề nghị thanh lý theo Mẫu số 43 01C tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 44/2024/NĐ-CP.

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ bị mất, bị hủy hoại trong trường hợp do thiên tai, hỏa hoạn hoặc các nguyên nhân khác.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2024 của Chính phủ về quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

33. Xử lý tài sản trong trường hợp cơ quan, người có thẩm quyền quyết định giao tài sản cho doanh nghiệp quản lý theo hình thức đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp

33.1. Trường hợp cơ quan đại diện chủ sở hữu của doanh nghiệp được giao tài sản theo hình thức đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp là Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:

a) Trình tự thực hiện: Căn cứ Khoản 4 Điều 21 và khoản 2 Điều 26 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2024.

- Bước 1: Cơ quan quản lý tài sản lập hồ sơ đề nghị thu hồi tài sản, báo cáo cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) để trình Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bước 2: Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh hoặc cơ quan, người có thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản theo quy định của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xem xét, quyết định thu hồi tài sản hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị thu hồi tài sản chưa phù hợp.

- Bước 3: Căn cứ quyết định thu hồi tài sản, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (cơ quan đại diện chủ sở hữu) giao nhiệm vụ cơ quan, đơn vị trực thuộc tham mưu cho Ủy ban nhân dân Thành phố thực hiện đầu tư bổ sung vốn điều lệ bằng giá trị tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ cho doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp, pháp luật về giao thông đường bộ và pháp luật khác có liên quan.

- Bước 4: Cơ quan quản lý tài sản thực hiện kế toán giảm tài sản theo quy định của pháp luật về kế toán, báo cáo kê khai biến động tài sản theo quy định tại Nghị định số 44/2024/NĐ-CP.

b) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp hoặc gián tiếp qua đường văn thư, hệ thống quản lý văn bản liên thông của Thành phố.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: Căn cứ Khoản 4 Điều 21 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2024

- Văn bản của cơ quan quản lý tài sản về việc đề nghị thu hồi tài sản: 01 bản chính;

- Văn bản của cơ quan quản lý cấp trên của cơ quan quản lý tài sản (nếu có): 01 bản chính;

- Văn bản của Sở Xây dựng (trong trường hợp tài sản do cơ quan quản lý tài sản cấp huyện hoặc cơ quan quản lý tài sản cấp xã quản lý) về việc đề nghị thu hồi tài sản: 01 bản chính;

- Phương án đầu tư bổ sung vốn điều lệ bằng giá trị tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ được cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt theo quy định (trong trường hợp thu hồi theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều Điều 21 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP.

- Danh mục tài sản đề nghị thu hồi theo Mẫu số 01C tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 44/2024/NĐ-CP: 01 bản chính;

- Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

d) Thời hạn giải quyết:

- Không có quy định cụ thể đối với Sở Xây dựng, đề xuất thời gian giải quyết là trong thời gian 30 ngày.

- Thời gian giải quyết của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: trong thời hạn 30 ngày (Căn cứ Mục b Khoản 4 Điều 21 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2024).

e) Đối tượng thực hiện thủ tục Đơn vị thuộc Sở Xây dựng, Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân Thành phố.

f) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Căn cứ Điều 21, Điều 26 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP):

− Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân Thành phố.

− Cơ quan tham mưu trình: Sở Xây dựng.

− Cơ quan đề nghị thu hồi tài sản: cơ quan, đơn vị thuộc Sở Xây dựng được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

− Doanh nghiệp vốn nhà nước: doanh nghiệp được giao tài sản theo hình thức đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp do Ủy ban nhân dân Thành phố quản lý.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ hoặc văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị thu hồi tài sản chưa phù hợp.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không có.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Mẫu số 01: Danh mục tài sản đề nghị điều chuyển theo Mẫu số 01C tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 44/2024/NĐ-CP.

- Mẫu số 02: Quyết định thu hồi (theo nội dung tại điểm c khoản 4 Điều 21 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP): Tên cơ quan có tài sản thu hồi; tên cơ quan được giao thực hiện quyết định thu hồi; danh mục tài sản thu hồi (tên tài sản; địa chỉ; loại/cấp/hạng; năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (số lượng/chiều dài/diện tích...); nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có); tình trạng sử dụng của tài sản); lý do thu hồi; trách nhiệm tổ chức thực hiện.

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: cơ quan, đơn vị tự sử dụng nguồn nhân lực, trang thiết bị của cơ quan, đơn vị.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2024 của Chính phủ về quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

33.2. Trường hợp cơ quan đại diện chủ sở hữu của doanh nghiệp được giao tài sản theo hình thức đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp không phải là Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:

a) Trình tự thực hiện: Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 22 và khoản 3 Điều 26 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP.

- Bước 1: Cơ quan quản lý tài sản lập hồ sơ đề nghị điều chuyển tài sản, báo cáo Sở Giao thông vận tải để trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét đề xuất Bộ trưởng Bộ Tài chính (trừ tài sản quốc phòng, an ninh).

- Bước 2: Trong thời hạn 30 ngày, Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét đề nghị Bộ trưởng Bộ Tài chính xem xét quyết định điều chuyển tài sản. Trường hợp hồ sơ điều chuyển chưa phù hợp, yêu cầu đơn vị liên quan có ý kiến hoặc cơ quan quản lý tài sản bổ sung, giải trình.

- Bước 3: Trong thời hạn 30 ngày, Bộ trưởng Bộ Tài chính xem xét, quyết định điều chuyển tài sản theo thẩm quyền. Trường hợp hồ sơ đề nghị điều chuyển tài sản chưa phù hợp, Bộ Tài chính có văn bản phản hồi về hồ sơ đề nghị điều chuyển tài sản chưa phù hợp để Uỷ ban nhân dân Thành phố yêu cầu Cơ quan quản lý tài sản bổ sung, giải trình hồ sơ.

- Bước 4: Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có Quyết định điều chuyển tài sản của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, cơ quan có tài sản điều chuyển và cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận tài sản có trách nhiệm tổ chức bàn giao, tiếp nhận tài sản

b) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp hoặc gián tiếp qua đường văn thư, hệ thống quản lý văn bản liên thông của Thành phố.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

c.1) Cơ quan quản lý tài sản lập hồ sơ đề nghị điều chuyển tài sản. Hồ sơ đề nghị gồm:

- Văn bản của cơ quan quản lý tài sản về việc đề nghị điều chuyển tài sản: 01 bản chính;

−-Văn bản của cơ quan quản lý cấp trên của cơ quan quản lý tài sản (nếu có) về việc đề nghị điều chuyển tài sản: 01 bản chính;

- Văn bản của Sở Xây dựng (trong trường hợp tài sản do cơ quan quản lý tài sản cấp huyện hoặc cơ quan quản lý tài sản cấp xã quản lý) về việc đề nghị điều chuyển tài sản: 01 bản chính;

- Văn bản của cơ quan, tổ chức, đơn vị và cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, tổ chức, đơn vị đó về việc đề nghị được tiếp nhận tài sản: 01 bản chính. Trường hợp việc điều chuyển tài sản do thay đổi về cơ quan quản lý, phân cấp quản lý, phân loại đường bộ thì không bắt buộc phải có văn bản đề nghị được tiếp nhận tài sản của cơ quan tiếp nhận tài sản;

- Phương án đầu tư bổ sung vốn điều lệ tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ bằng giá trị tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ được cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt theo quy định (trong trường hợp điều chuyển theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều này): 01 bản sao;

- Danh mục tài sản đề nghị điều chuyển theo Mẫu số 01C tại Phụ lục kèm theo Nghị định này do cơ quan quản lý tài sản lập: 01 bản chính;

- Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

c.2) Cơ quan có tài sản điều chuyển và cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận tài sản có trách nhiệm tổ chức bàn giao, tiếp nhận tài sản. Việc bàn giao, tiếp nhận tài sản phải được lập thành Biên bản theo Mẫu số 01 quy định tại Phụ lục đính kèm.

d) Thời hạn giải quyết:

- Không có quy định cụ thể đối với Sở Xây dựng, đề xuất thời gian giải quyết là trong thời gian 30 ngày.

- Không có quy định cụ thể đối với Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, đề xuất thời gian giải quyết là trong thời gian 30 ngày.

- Thời gian giải quyết của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh Bộ Tài chính: 49 trong thời hạn 30 ngày (Căn cứ Mục b Khoản 4 Điều 21 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2024).

- Thời gian điều chuyển tài sản và tiếp nhận tài sản khi có Quyết định điều chuyển tài sản: trong thời hạn 30 ngày (Căn cứ Mục d Khoản 3 Điều 22 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2024).

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Đơn vị thuộc Sở Xây dựng, Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân Thành phố.

f) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Căn cứ khoản 3 Điều 22, khoản 3 Điều 26 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP):

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Bộ Tài chính.

- Cơ quan trình: Uỷ ban nhân dân Thành phố.

- Cơ quan tham mưu: Sở Xây dựng.

- Cơ quan đề nghị điều chuyển tài sản: cơ quan, đơn vị thuộc Sở Giao thông công chánh được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

- Doanh nghiệp vốn nhà nước: doanh nghiệp được giao tài sản theo hình thức đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp do Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý (không phải là Uỷ ban nhân dân Thành phố).

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định điều chuyển tài sản của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không có.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Mẫu số 01: Danh mục tài sản đề nghị điều chuyển theo Mẫu số 01C tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 44/2024/NĐ-CP.

- Mẫu số 02: Quyết định điều chuyển (theo nội dung tại điểm c khoản 4 Điều 22 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP): Tên cơ quan có tài sản điều chuyển; tên cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận tài sản điều chuyển; danh mục tài sản đề nghị điều chuyển (tên tài sản; địa chỉ; loại/cấp/hạng; năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (số lượng/chiều dài/diện tích...); nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có); tình trạng sử dụng của tài sản); lý do điều chuyển; trách nhiệm tổ chức thực hiện.

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: cơ quan, đơn vị tự sử dụng nguồn nhân lực, trang thiết bị của cơ quan, đơn vị.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2024 của Chính phủ về quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

D. Thủ tục hành chính nội bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài chính

Lĩnh vực Đường bộ

34. Thanh toán chi phí liên quan đến việc khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ

a) Trình tự thực hiện:

- Các phương thức khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ được áp dụng: căn cứ khoản 2 Điều 18 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2024:

+ Chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

+ Cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

+ Chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

- Chi phí liên quan đến việc khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ: căn cứ điểm c khoản 2 Điều 18 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2024:

+ Chi phí liên quan đến việc khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ bao gồm: Chi phí phục vụ việc lập, trình, phê duyệt Đề án chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản, cho thuê quyền khai thác tài sản, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản; chi phí kiểm kê, xác định giá khởi điểm, tổ chức đấu giá chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản, cho thuê quyền khai thác tài sản, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản; chi phí bảo quản, bảo vệ tài sản trong thời gian tổ chức lựa chọn tổ chức, doanh nghiệp khai thác; chi phí phục vụ công tác quản lý của Bên chuyển nhượng quyền thu phí, Bên cho thuê quyền khai thác, Bên chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản trong thời gian thực hiện hợp đồng; các chi phí khác có liên quan.

- Trình tự thực hiện: căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 18 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2024;

+ Bước 1: Lập, thẩm định, phê duyệt dự toán chi phí có liên quan đến việc khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ:

* Cơ quan quản lý tài sản (Sở Xây dựng, cơ quan chuyên môn quản lý đường bộ thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã) lập dự toán, gửi cơ quan tài chính (Sở Tài chính, Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp xã) có ý kiến thẩm định.

* Sau khi có ý kiến thẩm định của cơ quan tài chính, Thủ trưởng cơ quan quản lý tài sản phê duyệt dự toán.

+ Bước 2: Lập hồ sơ đề nghị thanh toán gửi chủ tài khoản tạm giữ để chi trả: căn cứ khoản 5,6 Điều 27 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2024;

* Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nộp tiền thu được từ việc khai thác tài sản vào tài khoản tạm giữ tại Kho bạc nhà nước của cơ quan tài chính, cơ quan quản lý tài sản có trách nhiệm lập hồ sơ đề nghị thanh toán gửi chủ tài khoản tạm giữ để chi trả.

* Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định, chủ tài khoản tạm giữ có trách nhiệm cấp tiền cho cơ quan quản lý tài sản để thực hiện chi trả các khoản chi phí có liên quan đến việc khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

b) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp hoặc gián tiếp qua đường văn thư, hệ thống quản lý văn bản liên thông của Thành phố.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2024;

- Văn bản đề nghị thanh toán của cơ quan quản lý tài sản (trong đó nêu rõ số tiền thu được từ việc khai thác tài sản, tổng chi phí khai thác tài sản, thông tin về tài khoản tiếp nhận thanh toán) kèm theo bảng kê chi tiết các khoản chi: 01 bản chính.

- Văn bản thẩm định dự toán của cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại khoản 2 Điều này: 01 bản chính.

- Quyết định phê duyệt Đề án khai thác tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền: 01 bản sao.

- Các hồ sơ, giấy tờ chứng minh cho các khoản chi như: Dự toán chi được duyệt; hợp đồng thuê dịch vụ thẩm định giá, đấu giá và các dịch vụ khác (nếu có); hóa đơn, phiếu thu tiền (nếu có): 01 bản sao.

d) Thời hạn giải quyết:

- 30 ngày đối với lập hồ sơ gửi chủ tài khoản tạm giữ để chi trả.

- 30 ngày chủ tài khoản tạm giữ có trách nhiệm cấp tiền cho cơ quan quản lý tài sản để thực hiện chi trả các khoản chi phí có liên quan.

e) Đối tượng thực hiện TTHC: Cơ quan quản lý tài sản cấp tỉnh, cấp xã.

f) Cơ quan giải quyết TTHC: cơ quan tài chính (Sở Tài chính, Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp xã).

g) Kết quả thực hiện TTHC: Kinh phí được cấp vào tài khoản cho cơ quan quản lý tài sản để thực hiện các khoản chi phí có liên quan đến khai thác tài sản.

h) Phí, lệ phí (nếu có): không có.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: không có.

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: không có.

k) Căn cứ pháp lý của TTHC: Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2024 của Chính phủ về quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.